



CÔNG TY CỔ PHẦN  
TẬP ĐOÀN HOÁ CHẤT  
ĐỨC GIANG

Số: 317/2022/CBTT-DGC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 17 tháng 03 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN  
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HCM**

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

**I. Tên tổ chức công bố thông tin:**

- CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 18/44 phố Đức Giang, Thượng Thanh, Long Biên, Hà Nội
- Điện thoại: 024. 38271620 Fax: 024. 38271068
- Mã chứng khoán: DGC
- Người thực hiện công bố thông tin: Ông Đào Hữu Duy Anh - Tổng giám đốc Công ty
- Loại thông tin công bố:  24h  72h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ

**II. Nội dung thông tin công bố:**

Báo cáo thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang.

Công ty cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang thông báo để các cổ đông được biết.

Thông tin được công bố trên website của công ty <http://ducgiangchem.vn> vào ngày 17/03/2022.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Người thực hiện công bố thông tin**  
(Ký, ghi rõ họ tên)



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Đào Hữu Duy Anh*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN**  
**HÓA CHẤT ĐỨC GIANG**

Năm báo cáo 2021

*Hà Nội, tháng 3 năm 2022*

## I. Thông tin chung

### 1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101452588 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hà Nội cấp ngày 05 tháng 03 năm 2004, thay đổi lần thứ 20, ngày 24 tháng 05 năm 2021.
- Vốn điều lệ hiện tại: 1.710.805.560.000 đồng (Một nghìn bảy trăm mười tỷ đồng tám trăm linh năm triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 1.710.805.560.000 đồng (Một nghìn bảy trăm mười tỷ đồng tám trăm linh năm triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn).
- Địa chỉ: Số 18/44 phố Đức Giang – phường Thượng Thanh – quận Long Biên – TP. Hà Nội.
- Số điện thoại: 024 38271620.
- Số fax: 024 38271068.
- Website: <http://ducgiangchem.vn>
- Mã cổ phiếu: DGC.
- Sàn giao dịch: Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE).
- Tổng số cổ phần đang niêm yết: 171.080.556 cổ phần.
- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 171.079.683 cổ phần.

### Quá trình hình thành và phát triển

- Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang tiền thân là Công ty Hoá chất Đức Giang, là một doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Tổng cục hóa chất Việt Nam được thành lập từ năm 1963, có trụ sở đặt tại số 18 ngõ 44 phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.
- Tháng 3/2004, Công ty thực hiện chuyển đổi mô hình và chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần với tên gọi là Công ty Cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang theo Quyết định số 10/2004/QĐ-BCN ngày 13/02/2004 của Bộ Công nghiệp.
- Năm 2009 thành lập Công ty con - Công ty cổ phần Hóa chất Đức Giang Lào Cai tại Lào Cai.
- Năm 2012: Thành lập Công ty con - Công ty cổ phần Hóa chất Phân bón Lào Cai.
- Năm 2013: Thành lập Công ty con - Công ty cổ phần Hóa chất Đức Giang Đình Vũ.
- Năm 2015: Thành lập Công ty cổ phần Hóa chất Bảo Thắng.

- Tháng 10/2017: Sáp nhập Công ty cổ phần Hóa chất Phân bón Lào Cai và Công ty cổ phần Hóa chất Bảo Thắng vào Công ty cổ phần Hóa chất Đức Giang Lào Cai.
- Tháng 6/2018: Mua 51% Công ty cổ phần Phốt pho Apatit Việt Nam.
- Tháng 9/2018: tiếp tục sáp nhập Công ty cổ phần Hóa chất Đức Giang Lào Cai vào Công ty cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang.
- Tháng 4/2019: Chuyển đổi mô hình tổ chức và hoạt động sang mô hình Tập đoàn và đổi tên thành Công ty cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang.
- Tháng 7/2020: Chuyển niêm yết cổ phiếu từ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) sang Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HSX).

#### Các mốc sự kiện quan trọng của Công ty:

- 3/2004: Chuyển đổi thành Công ty cổ phần, với mức vốn điều lệ 15 tỷ đồng.
- 7/2008: Tăng vốn điều lệ lên 30 tỷ đồng.
- 6/2009: Tăng vốn điều lệ lên 66 tỷ đồng.
- 12/2012: Tăng vốn điều lệ lên 220 tỷ đồng.
- 12/2013: Tăng vốn điều lệ lên 334,99 tỷ đồng.
- 8/2014: Cổ phiếu Công ty CP Bột giặt và Hoá chất Đức giang chính thức niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán DGC.
- 9/2014: Khánh thành Tổ hợp Nhà máy Hoá chất Đức Giang Lào Cai tại Lào Cai.
- 8/2015: Tăng vốn điều lệ lên 422.091.320.000 VNĐ.
- 7/2016: Tăng vốn điều lệ lên 500.088.750.000 VNĐ.
- 9/2018: Tăng vốn điều lệ lên 1.078.038.110.000 đồng sau khi nhận sáp nhập Công ty cổ phần Hóa chất Đức Giang Lào Cai.
- 4/2019: Đổi tên thành Công ty cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang.
- 5/2019: Tăng vốn điều lệ lên 1.239 tỷ đồng.
- 12/2019: Tăng vốn điều lệ lên 1.293 tỷ đồng.
- 08/2020: Tăng vốn điều lệ lên 1.487 tỷ đồng.
- 05/2021: Tăng vốn điều lệ lên 1.710 tỷ đồng.

#### 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

❖ *Ngành nghề kinh doanh:*

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất hoá chất cơ bản Chi tiết: Sản xuất nguyên liệu và các mặt hàng hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm)	2011 (Chính)

2	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ Chi tiết: Sản xuất phân bón	2012
3	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh Chi tiết: Sản xuất các mặt hàng cao su, sơn, chất dẻo	2013
4	Sản xuất sắt, thép, gang Chi tiết: Sản xuất sắt, thép	2410
5	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý Chi tiết: Sản xuất kim loại màu	2420
6	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn các mặt hàng cao su, sơn, chất dẻo, phân bón; Bán buôn nguyên liệu và các mặt hàng hóa chất	4669
7	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép, kim loại màu	4662
8	Sản xuất thiết bị điện khác Chi tiết: Sản xuất máy móc thiết bị điện và các linh kiện của chúng, vật liệu điện	2790
9	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất máy móc, dụng cụ cơ khí	2599
10	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc thiết bị điện và các linh kiện của chúng, vật liệu điện, dụng cụ cơ khí	4659
11	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Cho thuê nhà xưởng, kho bãi	6810
12	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899
13	Khai thác quặng sắt	0710
14	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722

❖ Địa bàn đặt trụ sở chính, công ty con và các chi nhánh trực thuộc:

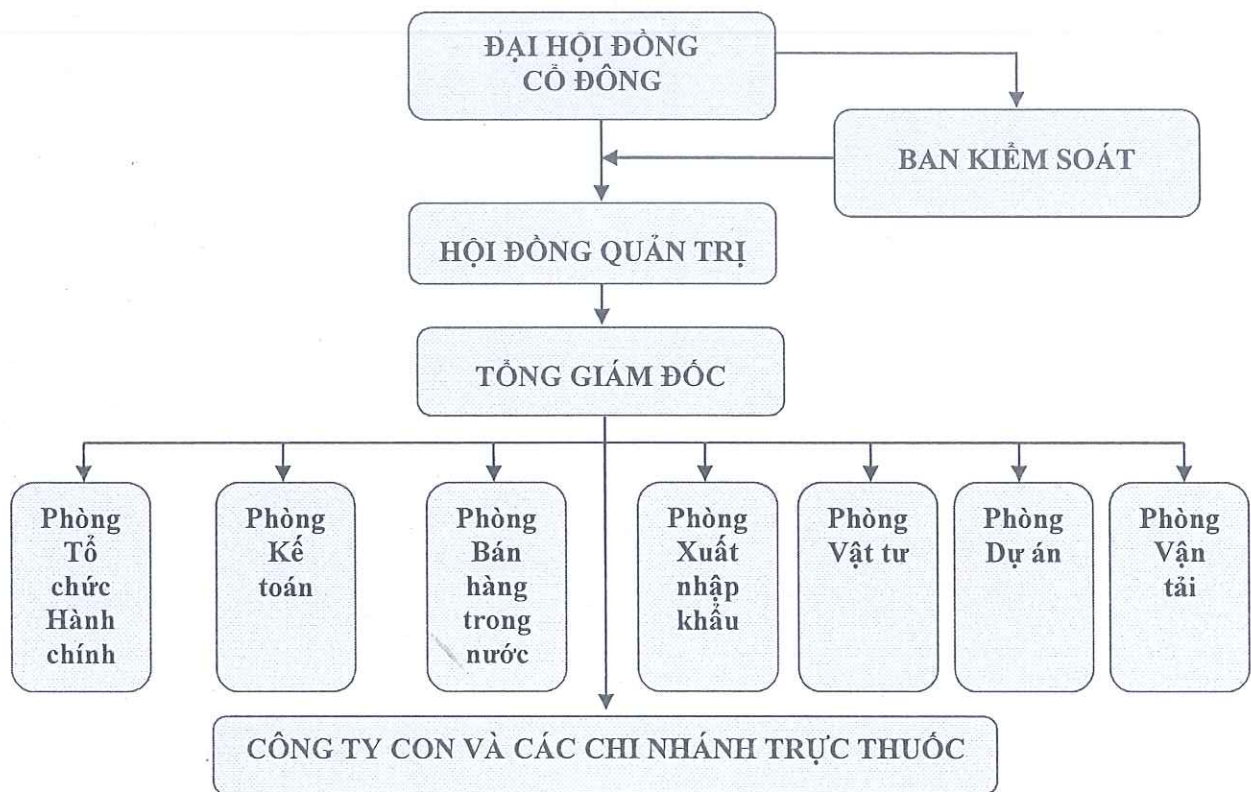
- Hà Nội. Địa chỉ: số 18/44 phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, TP Hà Nội.
- Hưng Yên. Địa chỉ: Khu Công nghiệp Dệt may Phố Nối B, xã Dị Sử, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

- Lào Cai. Địa chỉ: Khu công nghiệp Tăng Loỏng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.
- Hải Phòng. Địa chỉ: Lô CN 5.3K – KCN Đình Vũ – TP Hải Phòng.
- Bình Dương. Địa chỉ: Khu Công nghiệp Đồng An, xã Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.
- Thanh Hóa. Địa chỉ: Khu công nghiệp Nghi Sơn – tỉnh Thanh Hóa.

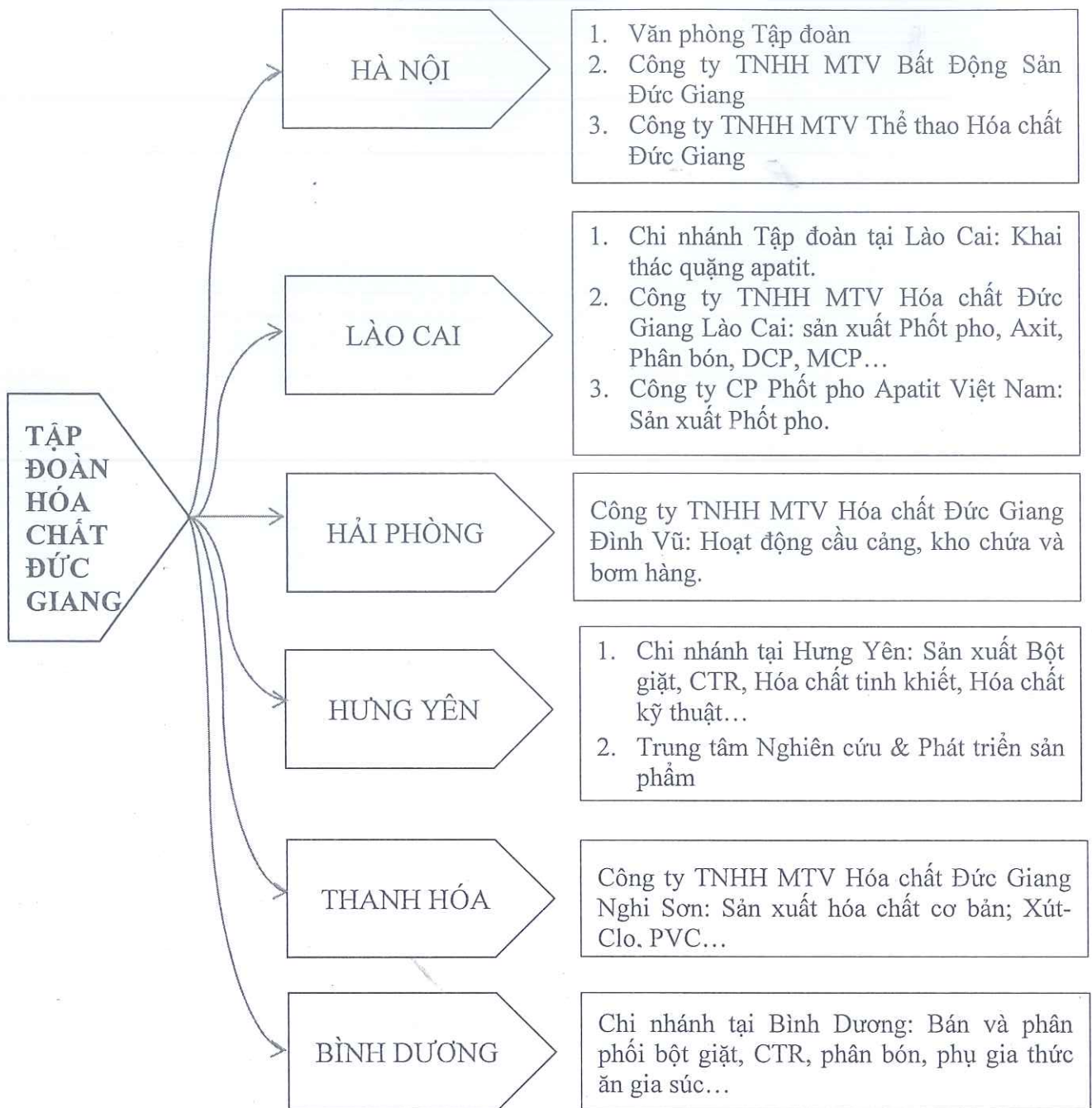
❖ *Địa bàn hoạt động sản xuất kinh doanh:* Tập đoàn Hóa chất Đức Giang thực hiện bán hàng và phân phối sản phẩm trên khắp địa bàn trong nước Việt Nam và trên thế giới. Các thị trường trọng điểm trên thế giới như: Nhật Bản, Ấn Độ, Hàn Quốc, Châu Âu, Mỹ...

### 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

#### MÔ HÌNH TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ



## MÔ HÌNH TỔ CHỨC SẢN XUẤT, KINH DOANH



### ❖ Công ty con

#### ➤ Công ty TNHH một thành viên Hóa chất Đức Giang Lào Cai

- Địa chỉ: Khu công nghiệp Tăng Loảng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.
- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Sản xuất, Bán bán hóa chất, phân bón...
- Các mặt hàng chính: Phốt pho vàng (P4), Axit Phosphoric Trích ly 50% (WPA), Axit Phosphoric thực phẩm 85% (H<sub>3</sub>PO<sub>4</sub> TP), Axit Phosphoric Công nghiệp 85% (H<sub>3</sub>PO<sub>4</sub> TP), Phân lân đơn (SSP), Phân lân giàu (DSP), Phân phức hợp MAP, Phụ gia thức ăn gia súc DCP, MCP...

- Vốn điều lệ: 997.854.630.000 đồng.
- Tỷ lệ sở hữu: 100%.
- **Công ty TNHH một thành viên Hóa chất Đức Giang Nghi Sơn**
  - Địa chỉ: Khu công nghiệp Nghi Sơn – tỉnh Thanh Hóa.
  - Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Sản xuất hóa chất cơ bản.
  - Các mặt hàng chính: Xút – NaOH, HCL, PAC, Javen, Chloramin B, Ca(OCl)<sub>2</sub>, PCL<sub>3</sub>, H<sub>3</sub>PO<sub>3</sub>, PVC...
  - Vốn điều lệ: 1.000.000.000.000 đồng.
  - Tỷ lệ sở hữu: 100%.
- **Công ty TNHH một thành viên Bất động sản Đức Giang**
  - Địa chỉ: 18/44 Đức Giang, Thượng Thanh, Long Biên, Hà Nội.
  - Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Xây dựng và kinh doanh bất động sản.
  - Vốn điều lệ: 500.000.000.000 đồng.
  - Tỷ lệ sở hữu: 100%.

*(Ghi chú: Thành lập vào tháng 01/2021)*
- **Công ty TNHH một thành viên Hoá chất Đức giang – Đình Vũ**
  - Địa chỉ: Lô CN 5.3K – KCN Đình Vũ – TP Hải Phòng – Việt Nam.
  - Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Buôn bán hoá chất, dịch vụ kho bãi...
  - Vốn điều lệ: 60.000.000.000 đồng.
  - Tỷ lệ sở hữu: 100%.
- **Công ty TNHH một thành viên Thể thao Hoá chất Đức Giang**
  - Địa chỉ: Số 18/44 phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.
  - Lĩnh vực hoạt động: Hoạt động của các cơ sở thể thao chuyên nghiệp.
  - Hoạt động thể thao chính: Bóng chuyền nữ (nhằm quảng bá các sản phẩm phân bón, bột giặt, chất tẩy rửa của các Công ty thông qua các các giải bóng chuyền chuyên nghiệp trên toàn quốc).
  - Vốn điều lệ: 5.000.000.000 đồng.
  - Tỷ lệ sở hữu: 100%.
- **Công ty cổ phần Phốt pho Apatit Việt Nam (PAC)**
  - Địa chỉ: Khu công nghiệp Tầng Lông, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai
  - Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: sản xuất và buôn bán hóa chất cơ bản...
  - Mặt hàng chính: Phốt pho vàng (P4).
  - Vốn điều lệ: 250.000.000.000 đồng.
  - Tỷ lệ sở hữu: 51%.
- ❖ Các chi nhánh trực thuộc



- Chi nhánh Công ty cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang tại Lào Cai
  - Địa chỉ: Khu công nghiệp Tăng Loỏng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.
  - Ngành nghề kinh doanh chính: Khai thác quặng Apatit...
- Chi nhánh Công ty cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang tại Hưng Yên
  - Địa chỉ: Khu Công nghiệp Dệt may Phố Nối B, xã Dị Sử, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.
  - Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất bột giặt và chất tẩy rửa; Sản xuất Hóa chất tinh khiết và Hóa chất kỹ thuật...
- Chi nhánh Công ty cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang tại Bình Dương
  - Địa chỉ: Khu Công nghiệp Đồng An, xã Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.
  - Ngành nghề kinh doanh chính: Bán và phân phối các sản phẩm của Tập đoàn như: Bột giặt, chất tẩy rửa, Phân bón, phụ gia thức ăn gia súc...
- ❖ Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển sản phẩm
  - Địa chỉ: Đặt tại Chi nhánh Công ty cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang tại Hưng Yên.
  - Hoạt động chính: Nghiên cứu và phát triển các sản phẩm mới.

#### 4. Định hướng phát triển

- Tập trung chế biến sâu quặng apatit và khoáng sản khác của Việt Nam. Trở thành Công ty sản xuất hóa chất và phân bón công nghệ cao hàng đầu của Việt Nam và Khu vực.
- Nghiên cứu phát triển các sản phẩm, hợp chất sau Phốt pho. Đây là những sản phẩm, hợp chất cơ bản, cần thiết cho các ngành nông nghiệp, thực phẩm, công nghiệp điện tử, trí tuệ nhân tạo.
- Tiếp tục nghiên cứu, mở rộng đầu tư các sản phẩm mới, mở ra hướng phát triển mới và bền vững của Tập đoàn Hóa chất Đức Giang, phấn đấu đưa Tập đoàn dẫn đầu các Tập đoàn Hóa chất hàng đầu của Khu vực và thế giới.
- Đẩy mạnh đầu tư cho hoạt động R&D, lấy con người là trọng tâm. Thường xuyên cho các cán bộ, kỹ sư nòng cốt được tiếp cận những công nghệ tiên tiến tại các nước phát triển.
- Chăm lo và nâng cao đời sống của cán bộ công nhân viên. Có chính sách đãi ngộ tốt để thu hút và giữ chân người tài để phục vụ cho các dự án hiện tại và trong tương lai của Công ty.
- Các sản phẩm của công ty phải đáp ứng được các tiêu chuẩn về chất lượng và giá cả để tham gia sân chơi toàn cầu.
- Hướng đến xây dựng các nhà máy hóa chất trở thành các công viên hóa chất nhờ việc giảm phát thải ra môi trường và phủ xanh nhà máy.
- Thực hiện trách nhiệm của Công ty với xã hội và cộng đồng thông qua các chương trình đóng góp, quỹ thiện nguyện.

## 5. Các rủi ro:

Các rủi ro về môi trường, thiên tai, dịch bệnh... đều có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hay đối với việc thực hiện các mục tiêu của của Công ty. Do vậy, để phòng ngừa hiệu quả các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh, Công ty phải có các chiến lược, giải pháp kịp thời trong điều hành sản xuất kinh doanh.

- Rủi ro về môi trường có thể kể đến như: khói bụi, chất thải rắn, ô nhiễm nguồn nước... Tuy nhiên, Công ty luôn phát huy tinh thần của tập thể và cá nhân trong việc giảm rủi ro về môi trường thông qua việc thưởng các sáng kiến cho các cá nhân, tập thể thông qua các ý tưởng, sáng kiến giúp Công ty giảm khói bụi, tiết kiệm nguyên nhiên vật liệu, giảm ô nhiễm môi trường.
- Đối với rủi ro thiên tai và dịch bệnh: Đây là rủi ro bất khả kháng từ bên ngoài. Bên cạnh việc Công ty tự chủ động các giải pháp phòng chống thì việc thực hiện các khuyến cáo từ các cơ quan quản lý, chính quyền địa phương luôn được Công ty tuân thủ chặt chẽ. Việc này đã giúp Công ty vững vàng vượt qua đợt dịch bệnh Covid-19 trong năm 2021 vừa qua.

Ngoài ra còn có các rủi ro khác như rủi ro chính sách, rủi ro hoạt động đều có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh chung của Công ty:

- Đối với rủi ro chính sách: Có thể kể đến là sự thay đổi của các chính sách, Luật quan trọng tác động đến đời sống xã hội của cả nước nói chung và ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh chung của Công ty. Việc này đòi hỏi Công ty phải không ngừng cập nhật thông tin, quy định của pháp luật từ đó đưa ra các giải pháp đáp ứng kịp thời trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Đối với rủi ro hoạt động: bao gồm rủi ro trọng vận hành sản xuất kinh doanh, rủi ro trong vận tải hàng hóa trong nước và quốc tế, rủi ro về nhân sự trong quá trình vận hành... Đây là những rủi ro thường trực trong hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty, đặc biệt trong năm 2020-2021 khi mà dịch covid đang bùng phát mạnh cả trong nước và quốc tế. Việc này đòi hỏi sự điều hành linh hoạt và kịp thời của Hội đồng quản trị cũng như Ban điều hành của Công ty trong năm qua.

## II. Tình hình hoạt động trong năm 2021

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

#### 1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 của Tập đoàn:

Trong năm 2021 tình hình dịch bệnh COVID-19 diễn biến phức tạp, HĐQT vẫn chỉ đạo cho toàn bộ Tập đoàn kiên quyết bám nhà máy, văn phòng để làm việc liên tục. Song song với việc sản xuất kinh doanh, Tập đoàn cũng đã nghiêm túc thực hiện các quy định về phòng chống dịch trong cũng như ngoài nhà máy. Chính vì vậy mà sản xuất kinh doanh cũng như phòng chống dịch của Tập đoàn đều đạt kết quả tốt.

#### ❖ Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021:

- Doanh thu hợp nhất đạt 9.550 tỷ đồng, tăng 53% so với thực hiện năm 2020.
- Lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 2.513 tỷ đồng, tăng 165% so với thực hiện năm 2020 và vượt 128% kế hoạch năm 2021 do ĐHCĐ đề ra.
- Nộp Ngân sách nhà nước: 760 tỷ đồng, tăng 58% so với năm 2020.

- Thu nhập bình quân cho người lao động: 19 triệu đồng/người/tháng, tăng 22,5% so với năm 2020.

❖ **Nguyên nhân:**

- Duy trì nhà máy hoạt động hết công suất.
- Đưa mỏ Apatit – Khai trường 25 vào khai thác làm giảm chi phí đầu vào, tăng hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Thị trường thế giới có nhiều biến động theo hướng có lợi cho các sản phẩm của Tập đoàn.

2. *Tổ chức và nhân sự*

❖ Danh sách Ban điều hành:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ngày sinh	Số cổ phần nắm giữ (*)	Tỷ lệ (%)
1	Đào Hữu Huyền	Chủ tịch HĐQT	07/6/1956	31.662.343	18,5%
2	Đào Hữu Duy Anh	Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc	10/10/1988	5.003.845	2,92%
3	Phạm Văn Hùng	Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	06/10/1984	276.381	0,16%
4	Đào Thị Mai	Kế toán trưởng	09/3/1981	306.368	0,18%

Ghi chú: (\*) Số liệu tính đến 31/12/2021.

**Ông Đào Hữu Huyền:**

Dân tộc : Kinh  
 Quê quán : Hưng Yên  
 Địa chỉ thường trú : Số 55 Phùng Hưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội  
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân Đại học Tổng hợp, chuyên ngành Hoá

**Quá trình công tác**

- ✓ 1993 - 4/2007 : Giám đốc Công ty TNHH Văn Minh
- ✓ 5/2007 – 4/2019 : Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang
- ✓ 5/2009 – 9/2018 : Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Hóa chất Đức Giang – Lào Cai
- ✓ 4/2012 - 10/2017 : Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Hóa chất Phân bón Lào Cai.

- ✓ 9/2018 – 31/12/2019 : Chủ tịch Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai
  - ✓ 4/2019 – 3/2020 : Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tập đoàn Hoá chất Đức Giang
  - ✓ 6/2018 – 31/12/2019 : Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Phốt pho Apatit Việt Nam
  - ✓ 3/2020- đến nay : Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn Hoá chất Đức Giang
- Chức vụ hiện nay : Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn Hoá chất Đức Giang
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác :
- Chủ tịch Công ty TNHH một thành viên Hóa chất Đức Giang Lào Cai;
  - Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Phốt pho Apatit Việt Nam;
  - Chủ tịch Công ty TNHH một thành viên Hóa chất Đức Giang Đình Vũ.
  - Chủ tịch Công ty TNHH một thành viên Hóa chất Đức Giang Nghi Sơn

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của công ty : Không

**Ông Đào Hữu Duy Anh:**

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Hưng Yên

Địa chỉ thường trú : Số 55 Phùng Hưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ hoá

***Quá trình công tác***

- ✓ 1/2012 - 3/2013 : Trợ lý Tổng giám đốc Công ty cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang; Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần phân bón Lào Cai
- ✓ 4/2013- 05/2015 : Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang;

- ✓ 05/2015 - 4/2019 : Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang;
  - ✓ 4/2019 – 3/2020 : Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tập đoàn Hoá chất Đức Giang;
  - ✓ 4/2013-10/2017 : Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần phân bón Lào Cai; Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Hóa chất Đức Giang Đình Vũ.
  - ✓ 6/2018 – đến nay : UV HĐQT Công ty CP Phốt pho Apatit Việt Nam
  - ✓ 3/2020 – đến nay : Tổng giám đốc Công ty cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang
- Chức vụ hiện nay : Ủy viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty cổ phần Tập đoàn Hoá chất Đức Giang
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác : UV HĐQT Công ty cổ phần Phốt pho Apatit Việt Nam
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của công ty : Không

**Ông Phạm Văn Hùng:**

- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Phú Nhuận- Bảo Thắng- Tỉnh Lào Cai
- Địa chỉ thường trú : Phú Nhuận- Bảo Thắng- Tỉnh Lào Cai
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cơ khí

***Quá trình công tác***

- ✓ 2009 - 2/2010 : Phó giám đốc Công ty CP Hóa chất Đức Giang - Lào Cai
- ✓ 3/2010 – 9/2018 : Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Hóa chất Đức Giang Lào Cai.
- ✓ 5/2015 - 10/2017 : Giám đốc Công ty CP Hóa chất Bảo Thắng

- ✓ 2/2015 đến nay : Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Bột giặt và Hóa chất Đức Giang
- ✓ 6/2018 đến nay : Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Phốt pho Apatit Việt Nam
- ✓ 9/2018 đến nay : Giám đốc Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai
- Chức vụ hiện nay : Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Tập đoàn Hoá chất Đức Giang
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác : - Giám đốc Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai  
- Thành viên HĐQT Công ty CP Phốt pho Apatit Việt Nam.
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của công ty : Không

**Bà Đào Thị Mai:**

- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hưng Yên
- Địa chỉ thường trú : Ngô Gia Tự, Long Biên Hà Nội
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác :
  - ✓ 2003 - 5/2007 : Kế toán Công ty TNHH Văn Minh
  - ✓ 6/2007 - 7/2007 : Kế toán Công ty CP Bột giặt và Hoá chất Đức Giang
  - ✓ 8/2007 - 4/2019 : Kế toán trưởng Công ty CP Bột giặt và Hoá chất Đức Giang
  - ✓ 4/2019 đến nay : Kế toán trưởng Công ty cổ phần Tập đoàn Hoá chất Đức Giang
- Chức vụ hiện nay : Kế toán trưởng Công ty cổ phần Tập đoàn Hoá chất Đức Giang

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác : Không

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của công ty : Không

❖ Những thay đổi trong Ban điều hành năm 2021:

Không có.

❖ Số lượng cán bộ, nhân viên.

Tại thời điểm 31/12/2021, tổng số cán bộ nhân viên toàn Tập đoàn là 2.246 người.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.

- a) Các khoản đầu tư lớn: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết).

Tình hình đầu tư các dự án và các khoản đầu tư lớn của Tập đoàn trong năm 2021:

**i. Dự án sản xuất Axit phosphoric điện tử:**

- Tổng đầu tư đã giải ngân trong năm 2021: 79,4 tỷ đồng.
- Công suất nhà máy: 60.000 tấn/năm.
- Dự án đã vận hành và chạy hết công suất vào tháng 9/2021.

**ii. Dự án Hóa chất Đức Giang Nghi Sơn:**

Tháng 12/2021, Đại hội đồng cổ đông bất thường đã thông qua điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Tổ hợp Hóa chất Đức Giang Nghi Sơn tại thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa

1. Tên Dự án: Dự án Tổ hợp Hóa chất Đức Giang Nghi Sơn:
2. Địa điểm đầu tư: thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.
3. Tổng mức đầu tư: 12.000.000.000.000 đồng (Mười hai nghìn tỷ đồng), trong đó:
  - Giai đoạn 1: 10.000.000.000.000 đồng (Mười nghìn tỷ đồng).
  - Giai đoạn 2: 2.000.000.000.000 đồng (Hai nghìn tỷ đồng).
4. Sản phẩm của dự án:
  - Sản phẩm giai đoạn 1: Quy mô đầu tư xây dựng các hạng mục công trình với tổng công suất 390.000 nghìn tấn/năm, cụ thể như sau:
    - ✓ Xút NaOH quy đặc 100% : 150.000 tấn/năm

- ✓ Nhựa PVC : : 150.000 tấn /năm
- ✓ Bột tẩy trắng Ca(OCl)<sub>2</sub> : 34.000 tấn/năm
- ✓ Chất diệt khuẩn Chloramin B : 1.000 tấn/năm
- ✓ Chất xử lý nước PAC : 30.000 tấn/năm
- ✓ Axit HCl 31% : 15.000 tấn/năm
- ✓ Nước tẩy Javen 10% : 10.000 tấn/năm
- Sản phẩm giai đoạn 2: Quy mô đầu tư xây dựng các hạng mục công trình với tổng công suất 250.000 tấn/ năm, cụ thể:
  - ✓ Nhà máy chế biến bột nhựa PVC thành các sản phẩm nhựa dân dụng và công nghiệp: 50.000 tấn/ năm
  - ✓ Nhà máy sản xuất bột nhẹ CaCO<sub>3</sub>: 200.000 tấn/ năm.

5. Tiến độ thực hiện đầu tư Dự án:

- Giai đoạn 1: Từ năm 2021 đến 2025.
- Giai đoạn 2: Từ năm 2026 đến năm 2028.

6. Diện tích mặt bằng dự kiến sử dụng: 80 ha, trong đó Giai đoạn 1 sử dụng 60 ha, Giai đoạn 2 sử dụng 20 ha.

❖ Thực trạng triển khai dự án Tổ hợp Hóa chất Đức Giang Nghi Sơn hiện nay:

Dự án hiện nay chưa được khởi công do đang vướng vấn đề giải phóng dân cư vùng ảnh hưởng. Tuy nhiên, ngày 10/12/2021 HĐND tỉnh Thanh Hóa đã ra Nghị quyết số 193/NQ-HĐND về chủ trương đầu tư dự án di dân, sắp xếp dân cư, tái định cư một số hộ dân thôn Lâm Quảng, xã Tân Trường, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Đây chính là cơ sở pháp lý để có thể thực hiện việc di chuyển toàn bộ các hộ dân cư ra khỏi vùng ảnh hưởng của Dự án, giúp Dự án được khởi công sớm.

**iii. Dự án mỏ Apatit - Khai trường 25:**

- Tổng đầu tư đã giải ngân trong năm 2021: 63,99 tỷ đồng.
- Dự án đã chính thức đi vào vận hành khai thác từ tháng 3/2021 và hiện vẫn đang được đầu tư khai thác theo đúng Giấy phép được cấp, giúp Tập đoàn chủ động hơn đối với nguyên liệu đầu vào cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

**iv. Dự án Chung cư Hóa chất Đức Giang:**

- Dự án đã được cấp phê duyệt quy hoạch 1/500 vào tháng 10/2020.
- Hiện nay, Dự án chưa thể tiếp tục triển khai là do trong quá trình thực hiện cấp chấp thuận chủ trương đầu tư bị vướng quy định tại điều 75 Luật Đầu tư 2020 có hiệu lực từ 01/01/2021. Theo đó thì chủ đầu tư dự án nhà ở muốn được chấp thuận chủ trương đầu tư, đồng thời với chấp thuận chủ đầu tư thì phải đáp ứng được điều kiện: “Có quyền sử dụng đất ở hợp pháp và các loại đất khác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất sang làm đất ở”. Trong khi đó, quỹ đất mà DGC đang quản lý dự kiến đầu tư Dự án Chung cư Hóa chất Đức Giang là đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp chứ chưa có phần đất ở có quyền sử dụng đất hợp pháp.



- Tháng 01/2022 Chính phủ đã đề xuất với Quốc hội sửa đổi điều điều 75 Luật Đầu tư 2020, tuy nhiên vẫn có nhiều ý kiến tranh luận vì thế việc sửa đổi Luật đã được dời sang chương trình nghị sự của kỳ họp sau.

b) Các công ty con, công ty liên kết:

❖ Tình hình hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con năm 2021:

*Đơn vị tính: tỷ đồng*

Stt	Công ty	Vốn điều lệ	Doanh thu thuần	Lợi nhuận sau thuế	Ghi chú
1	Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai	997	8.381	2.190	
2	Công ty TNHH MTV Hoá chất Đức Giang Đình Vũ	60	41,7	11,7	
3	Công ty CP Phốt pho Apatit Việt Nam	250	1.594	256	
4	Công ty TNHH MTV Thể thao Hóa chất Đức Giang	5	19,1	-0,011	
5	Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Nghi Sơn	1.000		31	Chưa khởi công dự án. Phát sinh lợi nhuận do gửi tiền nhàn rỗi
6	Công ty TNHH MTV Bất Động Sản Đức Giang	500		13,9	Chưa khởi công dự án. Phát sinh lợi nhuận do gửi tiền nhàn rỗi

#### 4. Tình hình tài chính

##### 5.1 Tình hình tài chính Công ty mẹ

a) Tình hình tài chính

*Đơn vị tính: triệu đồng, %*

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm
1	Tổng tài sản	4.726.988	5.020.557	6%
2	Doanh thu thuần	349.632	467.573	33,7%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.334.296	571.460	-57%

4	Lợi nhuận khác	-8.112	-806	
5	Lợi nhuận trước thuế	1.326.184	570.654	-57%
6	Lợi nhuận sau thuế	1.320.062	559.037	-58%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	30%	127%	

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2021 được kiểm toán)

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Ghi chú
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,8	1,4	
	+ Hệ số thanh toán nhanh	1,7	1,2	
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,06	0,05	
	+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,07	0,05	
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	+ Vòng quay hàng tồn kho	6,4	8,3	
	+ Vòng quay tổng tài sản	11,4	12,5	
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần			
	+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	3,78	1,20	
	+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,30	0,12	
	+ Hệ số lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	0,28	0,11	

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2021 được kiểm toán)

## 5.2 Tình hình tài chính hợp nhất

a) Tình hình tài chính

Đơn vị tính: triệu đồng, %

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm
1	Tổng tài sản	5.876.149	8.520.393	45,0%
2	Doanh thu thuần	6.236.479	9.550.582	53%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.023.596	2.644.489	158%
4	Lợi nhuận khác	(22.255)	(7.376)	
5	Lợi nhuận trước thuế	1.001.340	2.637.112	163%
6	Lợi nhuận sau thuế	948.071	2.513.776	165%

7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	30%	127%	
---	----------------------------	-----	------	--

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 được kiểm toán)

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Đơn vị tính: triệu đồng, %

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Ghi chú
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,9	2,7	
	+ Hệ số thanh toán nhanh	1,5	2,1	
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,31	0,26	
	+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,44	0,35	
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	+ Vòng quay hàng tồn kho	6,3	6,1	
	+ Vòng quay tổng tài sản	1,06	1,12	
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,15	0,26	
	+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,23	0,40	
	+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,16	0,30	
	+ Hệ số lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	0,16	0,28	

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 được kiểm toán)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 171.080.556 cổ phần.
- Tổng số cổ phần đang niêm yết: 171.080.556 cổ phần.
- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 171.079.683 cổ phần.
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 5.390.000 cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông:

Danh sách cổ đông lớn nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại 31/12/2021:

Stt	Cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Giá trị vốn góp (đồng)	Tỷ lệ %
1	Ông Đào Hữu Huyền	55 Phùng Hưng - Hoàn Kiếm - Hà Nội	31.662.343	316.623.430.000	18,5%

3	Ông Đào Hữu Kha	Số 5A Cao Bá Quát, Điện Biên, Ba Đình, Hà Nội	10.436.474	104.364.740.000	6,10%
4	Bà Ngô Thị Ngọc Lan	Số 5A Cao Bá Quát, Điện Biên, Ba Đình, Hà Nội	11.615.239	116.152.390.000	6,79%

Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 29/12/2021:

Stt	Cổ đông	Số cổ phần	Giá trị vốn góp (đồng)	Tỷ lệ %
<b>1</b>	<b>Trong nước</b>	<b>157.102.423</b>	<b>1.571.024.230.000</b>	<b>91,83%</b>
	- Tổ chức	9.381.910	93.819.100.000	5,48%
	<i>Trong đó cổ đông nhà nước</i>	<i>6.039.090</i>	<i>60.390.900.000</i>	<i>3,53%</i>
	- Cá nhân	147.720.513	1.477.205.130.000	86,34%
<b>2</b>	<b>Nước ngoài</b>	<b>13.977.260</b>	<b>139.772.600.000</b>	<b>8,17%</b>
	- Tổ chức	13.844.560	138.445.600.000	8,09%
	- Cá nhân	132.700	1.327.000.000	0,08%
<b>3</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>873</b>	<b>8.730.000</b>	<b>0,0006%</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>171.080.556</b>	<b>1.710.805.560.000</b>	<b>100%</b>

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu.v.v...

- Vốn điều lệ tại thời điểm 01/01/2021 : 1.487.669.430.000 đồng.

- Vốn điều lệ tăng thêm trong năm:

+ Trả cổ tức bằng cổ phiếu (15%) : 223.136.130.000 đồng.

- Vốn điều lệ tại thời điểm 31/12/2021 : 1.710.805.560.000 đồng.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.

Số lượng cổ phiếu quỹ tại thời điểm 31/12/2021: 873 cổ phiếu.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Nguồn nguyên vật liệu chính để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bao gồm quặng Apatit, than cốc, lưu huỳnh. Trong đó than cốc và lưu huỳnh là 2 nguồn nguyên liệu được công ty mua ngoài, từ các nguồn trong nước và nhập khẩu.

Nguồn nguyên liệu quan trọng nhất là quặng Apatit. Đối với quặng Apatit, bên cạnh việc mua ngoài từ các đơn vị cấp quặng trong nước, hiện nay Công ty có thể tự chủ động một phần nguồn quặng Apatit do đã đưa Khai trường 25 tại xã Quang Kim, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai vào khai thác. Theo Giấy phép khai thác số 216/GP-

BTNMT được cấp ngày 10/11/2020, thì Tập đoàn Hóa chất Đức Giang sẽ khai thác khoảng 3,7 triệu tấn quặng Apatit trong vòng 06 năm. Thời gian bắt đầu khai thác là tháng 3/2021. Nhờ có khai trường 25, Công ty đã chủ động được nguồn nguyên liệu quan trọng nhất, giúp hạ giá thành sản phẩm và tăng hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

#### 6.2. Tiêu thụ năng lượng:

Do đặc thù sản xuất phốt pho tiêu thụ nhiều điện, do vậy lượng điện sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2021 đạt khoảng 970 triệu Kwh.

Với mục tiêu tiết giảm chi phí năng lượng, Công ty vẫn tiếp tục tích cực thực hiện thay đổi công nghệ sản xuất nhà máy Phốt pho và nhà máy phân bón, tận thu toàn bộ khí gas phát thải từ các nhà máy Phốt pho để giảm tiêu thụ điện trực tiếp. Việc này giúp Công ty tiết kiệm được hàng chục tỷ đồng mỗi năm nhờ việc tận thu được nguồn nhiệt phát thải ra bên ngoài và giúp bảo vệ môi trường.

#### 6.3. Tiêu thụ nước:

Do các nhà máy của Công ty đều được đặt tại các Khu công nghiệp trên cả nước, nên nguồn cung cấp nước cho hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày được lấy từ nguồn cấp nước của các Khu công nghiệp, như Khu công nghiệp Tăng Loỏng tại Lào Cai, Khu công nghiệp phố nổi B tại Hưng Yên. Lượng nước tiêu thụ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2021 của Công ty đạt khoảng 1,6 triệu m<sup>3</sup> nước.

Để tiết kiệm nguồn tài nguyên nước cho hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đều có hệ thống xử lý nước tại các nhà máy sản xuất để tái sử dụng lại. Hệ số tái sử dụng nước của các nhà máy đạt tới 90-95%. Do vậy trong quá trình sản xuất kinh doanh, Công ty gần như không xả nước thải ra môi trường.

#### 6.4 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Trong năm 2021, mặc dù các hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn Tập đoàn được thực hiện trong năm với cường độ cao, các nhà máy đều chạy đạt và vượt công suất. Tuy nhiên, Tập đoàn cũng không để xảy ra sự cố môi trường lớn nào, đặc biệt là tại Lào Cai, nơi tập trung các nhà máy sản xuất lớn.

#### 6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

- Tổng số cán bộ, nhân viên đến 31/12/2021: 2.246 người.
- Lương bình quân đối với người lao động: 19 triệu đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

Chế độ làm việc và chính sách lương thưởng, trợ cấp cho người lao động

##### ➤ Chế độ làm việc

Người lao động trong công ty đều có hợp đồng lao động theo đúng luật lao động và được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định hiện hành của pháp luật về Luật lao động và các khoản trợ cấp, thưởng, được đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp...

Công ty thường xuyên quan tâm cải thiện điều kiện môi trường làm việc cho người lao động, thực hiện nghiêm túc công tác an toàn và bảo hộ lao động. Hàng năm công

ty tổ chức khám sức khoẻ định kỳ để phân loại lao động, sắp xếp hợp lý, thực hiện các biện pháp phòng chống bệnh nghề nghiệp và thực hiện đầy đủ chế độ đối với người lao động.

➤ Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Căn cứ nhiệm vụ sản xuất kinh doanh hàng năm, các đơn vị trực thuộc, phòng ban lập kế hoạch tuyển lao động theo từng loại chức danh ngành nghề trình Công ty. Theo quy chế tuyển dụng, phòng Tổ chức hành chính căn cứ nhu cầu nhân lực và nhiệm vụ sản xuất kinh doanh lập, cân đối nhân lực theo nhu cầu, lập kế hoạch tuyển dụng lao động trình Tổng giám đốc Công ty phê duyệt thực hiện.

Công ty luôn chú trọng công tác đào tạo nâng cao trình độ tay nghề, chuyên môn của cán bộ công nhân viên. Hàng năm, Công ty thường tổ chức các đợt kiểm tra trình độ chuyên môn nhằm phân loại cán bộ công nhân viên theo trình độ chuyên môn, trình độ tay nghề từ đó lập các kế hoạch bồi dưỡng đào tạo bổ sung. Ngoài ra, Công ty cũng khuyến khích nhân viên các phòng ban tham gia các lớp đào tạo ngắn hạn để nâng cao nghiệp vụ chuyên môn.

➤ Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Hiện nay, Công ty đã xây dựng được quy chế về quản lý và phân phối tiền lương áp dụng thống nhất trong toàn Công ty. Tiền lương được phân phối dựa trên cơ sở đặc tính công việc, thời gian lao động và năng suất lao động. Việc phân phối lương này được thực hiện công khai, dân chủ, đảm bảo sự công bằng và hợp lý giữa các chức danh trong Công ty.

Cùng với tiền lương, nhằm tạo không khí, môi trường làm việc tích cực, hăng hái thi đua sản xuất kinh doanh, Công ty thực hiện chính sách khen thưởng định kỳ và khen thưởng đột xuất cho các cá nhân và tập thể có thành tích trong sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa các biện pháp sản xuất, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao và đạt kết quả cao trong sản xuất kinh doanh.

Nhằm khuyến khích, động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng và gắn bó lâu dài với Công ty, lãnh đạo Công ty luôn quan tâm đến đời sống cả vật chất lẫn tinh thần của cán bộ công nhân viên, có chính sách tặng quà, thăm hỏi, trợ cấp ốm đau, trợ cấp tai nạn nghề nghiệp, thường xuyên tổ chức và phát động các phòng trào văn hóa, văn nghệ, thể thao... Ngoài ra, hàng năm Công ty còn tổ chức cho toàn thể cán bộ công nhân viên đi tham quan, du lịch, nghỉ mát,... Trong năm 2021, Công ty cũng đã chi khoảng 16,1 tỷ đồng cho các hoạt động văn nghệ, thể thao, du lịch... cho cán bộ công nhân viên.

Bên cạnh đó, đối với các cán bộ công nhân viên làm việc cống hiến từ 5 năm trở lên, đều được Công ty hỗ trợ 100 triệu đồng cho các hoạt động sửa nhà, thuê nhà... nhằm nâng cao cuộc sống của các cán bộ công nhân viên. Nguồn hỗ trợ được lấy từ nguồn quỹ khen thưởng phúc lợi hàng năm của Công ty.

*6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.*

Trong năm 2021, bên cạnh việc duy trì tốt các hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty vẫn thường xuyên duy trì các hoạt động thể hiện trách nhiệm với cộng đồng và địa phương, cụ thể:

Stt	Nội dung	Cộng (VNĐ)
1	Thăm hỏi gia đình chính sách, trợ cấp khó khăn hộ nghèo	1.438,340.640

2	Hỗ trợ dịch Covid và Ủng hộ đồng bào miền trung (bằng tiền)	5.463.739.230
3	Hỗ trợ dịch Covid bằng sản phẩm	2.663.168.922
4	Quỹ học bổng Đức Giang	1.000.000.000
5	Hoạt động cộng đồng địa phương tại huyện Bát Xát – Lào Cai	184.401.000
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>10.749.649.792</b>

### III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Trong năm 2021, hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn đứng trước áp lực của làn sóng dịch COVID bùng phát trên diện rộng cả ở trong nước và trên thế giới. Việc tắc nghẽn chuỗi vận tải hàng hóa trong nước và quốc tế gây lên áp lực lớn trong sản xuất và tiêu thụ hàng hóa đối với Tập đoàn. Tuy nhiên, dưới sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành cùng với các phòng ban chuyên môn đã không ngừng tìm ra các biện pháp và giải pháp kịp thời, giúp toàn Tập đoàn có đủ nguyên liệu để sản xuất và vận chuyển hàng hóa của Tập đoàn được thông suốt trong năm 2021. Bên cạnh đó, cùng với sự tăng giá toàn bộ các sản phẩm của Tập đoàn trên cả thị trường trong nước và thế giới, đã giúp Tập đoàn đạt được mức doanh thu và lợi nhuận cao nhất kể từ ngày thành lập, cụ thể như sau:

#### 1.1 Tình hình thực hiện KQKD 2021 so với kế hoạch 2021:

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2021	% thực hiện
1	Doanh thu thuần (tỷ đồng)	9.550	7.552	126%
2	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	2.513	1.100	228%

#### 1.2 Tình hình thực hiện 2021 so với năm 2020:

Đơn vị tính: tỷ đồng, %

Stt	Chỉ tiêu	2021	2020	Tăng (giảm) %
1	Doanh thu thuần	9.550	6.236	53%
2	Lợi nhuận sau thuế	2.513	948	165%
3	Tổng tài sản	8.520	5.876	45%
4	Vốn chủ sở hữu	6.332	4.067	56%
5	Tổng nợ phải trả	2.188	1.808	21%
6	Tỷ suất LNST/Doanh thu	26,3%	15,2%	
7	Tỷ suất LNST/Tài sản	29,5%	16,1%	
8	Tỷ suất LNST/Vốn chủ sở hữu	39,7%	23,3%	

9	Tỷ suất Nợ/VCSH	34,6%	44,5%
---	-----------------	-------	-------

1.3 Chi tiết cơ cấu doanh thu theo thị trường trong nước và xuất khẩu:

Stt	Doanh thu hợp nhất	Năm 2020		Năm 2021		Tăng (giảm) %
		Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng	
1	Doanh thu trong nước	1.339	21,5%	3.080	32,3%	130%
2	Doanh thu xuất khẩu (quy VND)	4.897	78,5%	6.470	67,7%	32%
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.236</b>		<b>9.550</b>		<b>53%</b>

Với đặc thù doanh thu xuất khẩu của Công ty luôn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng doanh thu, nên Công ty luôn có lượng tiền USD dồi dào trong tài khoản, giúp Công ty không bị chịu rủi ro tỷ giá khi đi vay đồng USD để thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày.

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính Công ty mẹ

Đơn vị tính: triệu đồng, %

Stt	Chỉ tiêu	2020	2021	% tăng (giảm)
1	Tổng tài sản	4.726.988	5.020.557	6,2%
2	Tài sản ngắn hạn	546.239	342.562	-37,3%
3	Tài sản dài hạn	4.180.749	4.677.995	11,9%
4	Phải thu ngắn hạn	37.662	20.926	-44,4%
5	Phải thu dài hạn	0	3.239	
6	Hàng tồn kho	40.702	40.875	0,4%
7	Tài sản cố định	297.408	338.772	13,9%
	<i>Trong đó, hao mòn lũy kế</i>	(135.486)	(160.811)	18,7%
8	Nợ ngắn hạn	297.968	252.653	-15,2%
9	Nợ dài hạn	-	-	
10	Vốn chủ sở hữu	4.429.020	4.767.903	7,7%
11	Tỷ lệ tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	11,6%	6,8%	
12	Tỷ lệ tài sản dài hạn/Tổng tài sản	88,4%	93,2%	



13	Tỷ lệ phải thu ngắn hạn/Tổng tài sản	0,8%	0,4%	
14	Tỷ lệ hàng tồn kho/Tổng tài sản	0,9%	0,8%	
15	Tỷ lệ Nợ ngắn hạn/Tổng Nguồn vốn	6,3%	5,0%	

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2021 được kiểm toán)

b. Tình hình tài chính hợp nhất

Đơn vị tính: triệu đồng, %

Stt	Chỉ tiêu	2020	2021	% tăng (giảm)
1	Tổng tài sản	5.876.149	8.520.393	45,0%
2	Tài sản ngắn hạn	3.433.498	5.997.347	74,7%
3	Tài sản dài hạn	2.442.651	2.523.046	3,3%
4	Phải thu ngắn hạn	848.572	780.770	-8,0%
5	Phải thu dài hạn	0	9.239	
6	Hàng tồn kho	697.142	1.386.431	98,9%
7	Tài sản cố định	3.550.461	3.776.239	6,4%
	<i>Trong đó, hao mòn lũy kế</i>	<i>(1.521.226)</i>	<i>(1.802.528)</i>	<i>18,5%</i>
8	Nợ ngắn hạn	1.808.618	2.188.291	21,0%
9	Nợ dài hạn	100	100	0,0%
10	Vốn chủ sở hữu	4.067.430	6.332.002	55,7%
11	Tỷ lệ tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	58,4%	70,4%	
12	Tỷ lệ tài sản dài hạn/Tổng tài sản	41,6%	29,6%	
13	Tỷ lệ phải thu ngắn hạn/Tổng tài sản	14,4%	9,2%	
14	Tỷ lệ hàng tồn kho/Tổng tài sản	11,9%	16,3%	
15	Tỷ lệ Nợ ngắn hạn/Tổng Nguồn vốn	30,8%	25,7%	

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 được kiểm toán)

#### IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

##### 1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2021 là năm đặc biệt cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn bởi ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, ảnh hưởng đến giá cả đầu vào, chuỗi cung ứng sản phẩm, ảnh hưởng lớn nhất là giá vận chuyển và container rỗng phục vụ cho xuất khẩu. Nhờ lợi thế của sản phẩm là sản phẩm thiết yếu cho công nghiệp điện tử và các ngành nông nghiệp như phân bón, thuốc trừ sâu... nên kết quả SXKD không những giữ vững mà còn vượt chỉ tiêu do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty*

- Thực hiện tốt các mục tiêu nhiệm vụ được ĐHĐCĐ và Hội đồng quản trị giao.
- Về tài chính kế toán: Thực hiện tốt chế độ kế toán, không để xảy ra sai sót lớn trong công tác kế toán
- Thu nhập bình quân của người lao động đạt mức 19 triệu đồng/người/tháng, tăng 22,5% so với năm 2020.
- Thực hiện tốt các chế độ đối với nhà nước, xã hội và với người lao động.

3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị*

- Hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh 2022 mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 giao.
- Tiếp tục thực hiện các dự án đang triển khai bao gồm:
  - (i) Dự án Bất động sản tại Đức Giang;
  - (ii) Dự án Hóa chất Đức Giang Nghi Sơn.
- Nghiên cứu triển khai các dự án mới về sản xuất và chế biến sâu khoáng sản.

**V. Quản trị công ty**

1. *Hội đồng quản trị*

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Stt	Họ và tên	Chức danh	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1	Đào Hữu Huyền	Chủ tịch HĐQT	31.662.343	18,5%
2	Đào Hữu Duy Anh	Ủy viên HĐQT; Tổng giám đốc	5.003.845	2,92%
3	Khúc Ngọc Giảng	Ủy viên HĐQT		
	- Sở hữu cá nhân		0	0%
	- Đại diện phần vốn của Tập đoàn Vinachem		6.039.090	3,53%
4	Phạm Văn Hùng	Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc	276.381	0,16%
5	Nguyễn Văn Quang	Ủy viên HĐQT	39.051	0,02%

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/2021/NQ-	25/01/2021	Thông qua kết quả SXKD Quý 4/2020 và kế

	HĐQT		hoạch Quý 1/2021; thông qua ký hợp đồng và giao dịch với các bên liên quan
2	02/2021/NQ-HĐQT	25/01/2021	Thông qua chốt danh sách cổ đông để tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021
3	03/2021/NQ-HĐQT	25/01/2021	Thông qua thành lập Công ty TNHH MTV Bất Động Sản Đức Giang
4	04/2021/NQ-HĐQT	02/03/2021	Thông qua hồ sơ họp ĐHĐCĐ thường niên 2021
5	05/2021/NQ-HĐQT	02/03/2021	Thông qua việc giao Công ty TNHH MTV Bất Động Sản Đức Giang triển khai và làm chủ đầu tư dự án “Tổ hợp công trình công cộng, trường học và nhà ở Đức Giang”
6	06/2021/NQ-HĐQT	02/03/2021	Thông qua thành lập chi nhánh trực thuộc CTCP Tập đoàn Hóa chất Đức Giang tại Lào Cai
7	07/2021/NQ-HĐQT	29/03/2021	Ban hành Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT; Bổ nhiệm người phụ trách quản trị Công ty; Bổ nhiệm kiểm toán nội bộ
8	08/2021/NQ-HĐQT	29/03/2021	Thông qua phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức 2020 bằng cổ phiếu
9	09/2021/NQ-HĐQT	27/04/2021	Thông qua kết quả SXKD Quý 1/2021 và kế hoạch Quý 2/2021
10	10/2021/NQ-HĐQT	21/07/2021	Thông qua kết quả SXKD Quý 2/2021 và kế hoạch Quý 3/2021
11	11/2021/NQ-HĐQT	21/07/2021	Thông qua giải thể Công ty con là Công ty TNHH MTV Apatit Đức Giang
12	12/2021/NQ-HĐQT	22/10/2021	Thông qua kết quả SXKD Quý 3/2021 và kế hoạch Quý 4/2021
13	13/2021/NQ-HĐQT	22/10/2021	Thông qua chốt danh sách cổ đông để tổ chức ĐHĐCĐ bất thường năm 2021
14	14/2021/NQ-HĐQT	17/11/2021	Thông qua hồ sơ họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2021
15	15/2021/NQ-HĐQT	14/12/2021	Thông qua phương án chốt danh sách cổ đông để tạm ứng cổ tức năm 2021

## 2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành).

Stt	Họ và tên	Chức danh	Số cổ cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1	Nguyễn Văn Kiên	Trưởng ban Kiểm soát	19.116	0,01%
2	Vũ Văn Ngọ	Thành viên Ban Kiểm soát	217.936	0,13%
3	Phạm Thị Thoa	Thành viên Ban Kiểm soát	24.820	0,02%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp).

Trong năm 2021, Ban Kiểm soát đã tổ chức 2 lần họp với đầy đủ các thành viên tham gia. Ban Kiểm soát cũng được tham dự đầy đủ các phiên họp của HĐQT, kiểm tra, giám sát việc triển khai các Nghị quyết của ĐHĐCĐ đối với HĐQT, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát được cung cấp đầy đủ các thông tin về Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.

Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2021:

Năm 2021, BKS đã thực hiện vai trò giám sát quản lý cấp cao đối với hoạt động kiểm soát, hoàn thành kế hoạch và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Tập đoàn.

Tình hình thực hiện kiểm tra, giám sát đối với hoạt động của Công ty trong năm 2021 tập trung chủ yếu vào các vấn đề chính sau:

- Giám sát việc tuân thủ Điều lệ Công ty, Luật doanh nghiệp và các quy định hiện hành của pháp luật trong việc quản lý và điều hành hoạt động SXKD của Công ty.
- Kiểm soát việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ và các Nghị quyết HĐQT năm 2021.
- Ban Kiểm soát tham gia trong tất cả các cuộc họp của HĐQT, Ban điều hành để nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình đầu tư xây dựng và tham gia ý kiến, đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Ban điều hành trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình.
- Xem xét báo cáo tài chính, chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thường niên và đánh giá ảnh hưởng của các vấn đề trọng yếu được nêu trong báo cáo kiểm toán, đồng thời giám sát việc thực hiện các kiến nghị do cơ quan kiểm toán đưa ra, từ đó đưa ra các đề xuất, kiến nghị giải pháp phù hợp cho Ban điều hành.
- Giám sát việc thực hiện các quy trình nội bộ. Có ý kiến đóng góp kịp thời để các Công ty điều chỉnh và tuân thủ đúng các nguyên tắc đặt ra.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Đơn vị tính: VNĐ

Stt	Họ và tên	Chức danh	Lương	Thù lao	Lợi ích khác (*)	Tổng cộng
1	Đào Hữu Huyền	Chủ tịch HĐQT	160.607.500	96.000.000	54.000.000	310.607.500
2	Khúc Ngọc Giảng	TV HĐQT	30.000.000	84.000.000	0	114.000.000
3	Đào Hữu Duy Anh	TV HĐQT	2.874.976.683	84.000.000	48.000.000	3.006.976.683
4	Phạm Văn Hùng	TV HĐQT	2.458.311.314	84.000.000	48.000.000	2.590.311.314
5	Nguyễn Văn Quang	TV HĐQT	30.000.000	84.000.000	0	114.000.000

6	Nguyễn Văn Kiên	TB KS	530.264.250	72.000.000	0	602.264.250
7	Vũ Văn Ngọ	TV BKS	10.000.000	48.000.000	0	58.000.000
8	Phạm Thị Thoa	TV BKS	297.267.167	48.000.000	0	345.267.167
9	Đào Thị Mai	KTT	1.659.510.000		0	1.659.510.000
			<b>8.050.936.914</b>	<b>600.000.000</b>	<b>150.000.000</b>	<b>8.800.936.914</b>

Ghi chú: (\*) Thù lao được hưởng từ Công ty con – Công ty cổ phần Phốt pho Apatit Việt Nam

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Đào Hữu Huyền	Chủ tịch HĐQT	26.532.473	17,83%	31.662.343	18,5%	Mua thêm cổ phiếu
2	Đào Thị Huyền	Em gái Chủ tịch HĐQT	421.431	0,25%	351.431	0,21%	Bán cổ phiếu
3	Đào Thị Quyên	Em gái Chủ tịch HĐQT	1.318.016	0,77%	1.118.016	0,65%	Bán cổ phiếu
4	Nguyễn Văn Quang	TV BKS	36.051	0,02%	39.051	0,02%	Mua thêm cổ phiếu
5	Đỗ Thành Công	Em rể ông Phạm Văn Hùng – TV HĐQT	26.919	0,02%	24.919	0,01%	Bán cổ phiếu
6	Đào Thị Hồng Hiền	Vợ Trưởng ban KS	285.374	0,19%	167.180	0,1%	Bán cổ phiếu
7	Nguyễn Thị Vân Thắng	Chị gái Trưởng ban KS	1.622	0,001%	1.322	0,001%	Bán cổ phiếu
8	Nguyễn Sinh Thìn	Bố vợ ông Ngọ - TV BKS	45.000	0,03%	12.775	0,01%	Bán cổ phiếu
9	Đào Thị Mai	Kế toán trưởng	289.868	0,17%	306.368	0,18%	Mua thêm cổ phiếu

10	Nguyễn Văn Thất	Anh rể KTT	106.506	0,06%	36.506	0,02%	Bán cổ phiếu
11	Quách Kiều Hưng	Người phụ trách quản trị Công ty	37.826	0,02%	39.526	0,02%	Mua thêm cổ phiếu
12	Công Thị Minh Trang	Vợ ông Quách Kiều Hưng	6.083	0,003%	5.983	0,003%	Bán cổ phiếu
13	Quách Tiến Nhất	Bố ông Quách Kiều Hưng	868.310	0,51%	850.510	0,5%	Bán cổ phiếu

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên:

Giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của Công ty; hoặc giao dịch giữa Công ty với cổ đông lớn, người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

Đơn vị tính: VND

Stt	Tên Công ty	Cung cấp dịch vụ	Hàng hóa nội bộ	Vay bên liên quan			Lợi nhuận chuyển về
				Tiền vay	Tiền trả vay	Lãi tiền vay	
1	Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai	75.946.960.176	151.357.626.779				521.498.261.088
2	Công ty CP Phát pho Apatit Việt Nam	572.292.728	20.970.080.122				25.500.844.000
3	Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Đình Vũ		2.872.531.089				
4	Công ty TNHH MTV Apatit Đức Giang		0	950.000.000	11.094.490.811	53.099.788	
5	Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Nghi Sơn		0				
6	Công ty TNHH MTV Thẻ thao Hóa chất Đức Giang		8.547.470				
7	Công ty TNHH MTV Bất động sản Đức Giang		0				
8	Công ty TNHH Văn Minh	2.217.892.359	292.011.643.991				
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>78.737.145.263</b>	<b>467.220.429.451</b>	<b>950.000.000</b>	<b>11.094.490.811</b>	<b>53.099.788</b>	<b>546.999.105.088</b>

Ghi chú: Thời điểm giao dịch: trong năm 2021, theo Nghị quyết của HĐQT số 01/2021/NQ-HĐQT ngày 25/01/2021.

Giao dịch giữa Người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ với Công ty con, công ty do Công ty nắm yết năm quyền kiểm soát

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Chức vụ tại CTNY	Tên Công ty con, Công ty do CTNY nắm quyền kiểm soát	Thời điểm giao dịch	Nội dung, số lượng giao dịch	Tổng giá trị giao dịch (VND)
1	Công ty TNHH Văn Minh	Giám đốc Công ty là vợ Chủ tịch HĐQT CTNY	Không	Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai	Năm 2021	Mua hàng hóa	115.488.737.148
2	Công ty TNHH Văn Minh	Giám đốc Công ty là vợ Chủ tịch HĐQT CTNY	Không	Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai	Năm 2021	Bán hàng hóa	17.955.123.107

## VI. Báo cáo tài chính năm 2021

1. Ý kiến kiểm toán: Ý kiến chấp nhận toàn phần. Chi tiết trong báo cáo tài chính được kiểm toán kèm theo.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: Xem chi tiết báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất đã được đăng tải trên website <http://ducgiangchem.vn>.

Nơi nhận:

- UBCKNN, HSX;
- Lưu: VT.

### XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



CHỦ TỊCH HĐQT  
*Đào Hữu Huyền*



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Mẫu số B 01 – DN/HN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Mẫu số B 02 – DN/HN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (Mẫu số B 03 – DN/HN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (Mẫu số B 09 – DN/HN)	9

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

### THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

#### Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp Số 0101452588 ngày 5 tháng 3 năm 2004

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 5 tháng 3 năm 2004. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp được thay đổi gần nhất (lần thứ 20) được cấp vào ngày 24 tháng 5 năm 2021.

#### Hội đồng Quản trị

Ông Đào Hữu Huyền	Chủ tịch
Ông Đào Hữu Duy Anh	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Quang	Thành viên
Ông Phạm Văn Hùng	Thành viên
Ông Khúc Ngọc Giảng	Thành viên

#### Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Kiên	Trưởng ban
Ông Vũ Văn Ngộ	Thành viên
Bà Phạm Thị Thoa	Thành viên

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Đào Hữu Duy Anh	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc

#### Người đại diện theo pháp luật

Ông Đào Hữu Huyền	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Đào Hữu Duy Anh	Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc

#### Trụ sở chính

Số 18 ngõ 44, Phố Đức Giang, Phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

#### Công ty kiểm toán

Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang (“Công ty”) chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở Tập đoàn hoạt động liên tục trừ khi giả định Tập đoàn hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Tập đoàn với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 5 đến trang 45. Báo cáo tài chính hợp nhất này thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Đào Hữu Duy Anh  
Tổng Giám đốc  
Người đại diện theo pháp luật

Hà Nội, nước CHXHCN Việt Nam  
Ngày 28 tháng 2 năm 2022

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang (“Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2021, và được Ban Tổng Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 28 tháng 2 năm 2022. Báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 45.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được một công ty kiểm toán khác kiểm toán và phát hành báo cáo kiểm toán với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần vào ngày 18 tháng 3 năm 2021.

### Thay mặt và đại diện cho Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội



Trần Hồng Kiên  
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số:  
0298-2018-006-1  
Chữ ký được ủy quyền

Trần Khắc Thế  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
2043-2018-006-01

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HAN 2907  
Hà Nội, ngày 28 tháng 2 năm 2022

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31.12.2021 VND	31.12.2020 VND (Trình bày lại – Thuyết minh 36)
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>5.997.347.534.355</b>	<b>3.433.498.648.020</b>
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	123.957.761.198	282.319.769.553
111	Tiền		114.957.761.198	39.191.561.995
112	Các khoản tương đương tiền		9.000.000.000	243.128.207.558
<b>120</b>	<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>3.631.679.997.108</b>	<b>1.557.534.801.277</b>
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	3.631.679.997.108	1.557.534.801.277
<b>130</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>780.770.236.525</b>	<b>848.572.832.929</b>
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	630.346.484.850	750.355.619.680
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	73.409.082.843	47.709.542.431
136	Phải thu ngắn hạn khác	7(a)	77.014.668.832	50.507.670.818
<b>140</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	8	<b>1.386.431.589.969</b>	<b>697.142.527.758</b>
141	Hàng tồn kho		1.386.431.589.969	697.142.527.758
<b>150</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>74.507.949.555</b>	<b>47.928.716.503</b>
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		6.656.353.535	10.393.725.307
152	Thuế Giá trị Gia tăng (“GTGT”) được khấu trừ		64.841.617.679	37.534.991.196
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		3.009.978.341	-
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>2.523.045.582.016</b>	<b>2.442.651.123.868</b>
<b>210</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>9.239.083.336</b>	<b>-</b>
216	Phải thu dài hạn khác	7(b)	9.239.083.336	-
<b>220</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>1.973.866.114.123</b>	<b>2.029.464.639.216</b>
221	Tài sản cố định hữu hình	10(a)	1.973.710.613.343	2.029.235.696.849
222	Nguyên giá		3.776.239.360.097	3.550.461.804.749
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.802.528.746.754)	(1.521.226.107.900)
227	Tài sản cố định vô hình	10(b)	155.500.780	228.942.367
228	Nguyên giá		1.045.839.000	1.045.839.000
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(890.338.220)	(816.896.633)
<b>240</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>171.600.433.670</b>	<b>180.478.058.724</b>
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	171.600.433.670	180.478.058.724
<b>260</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>368.339.950.887</b>	<b>232.708.425.928</b>
261	Chi phí trả trước dài hạn	9	361.083.406.691	228.434.534.247
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		381.239.227	-
263	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		3.152.883.180	-
269	Lợi thế thương mại	12	3.722.421.789	4.273.891.681
<b>270</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>8.520.393.116.371</b>	<b>5.876.149.771.888</b>

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 45 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
(TIẾP THEO)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31.12.2021 VND	31.12.2020 VND (Trình bày lại – Thuyết minh 36)
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>2.188.391.014.861</b>	<b>1.808.718.873.158</b>
<b>310</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>2.188.291.014.861</b>	<b>1.808.618.873.158</b>
311	Phải trả người bán ngắn hạn	13	683.397.714.034	137.023.874.475
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	165.633.053.411	34.017.024.310
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	55.022.797.269	59.300.749.575
314	Phải trả người lao động		156.003.204.908	90.357.771.188
315	Chi phí phải trả ngắn hạn		13.040.153.290	17.869.739.880
319	Phải trả ngắn hạn khác	16	204.106.585.380	243.230.738.381
320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	841.909.212.299	1.148.973.992.471
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18	69.178.294.270	77.844.982.878
<b>330</b>	<b>Nợ dài hạn</b>		<b>100.000.000</b>	<b>100.000.000</b>
343	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		100.000.000	100.000.000
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>6.332.002.101.510</b>	<b>4.067.430.898.730</b>
<b>410</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>		<b>6.332.002.101.510</b>	<b>4.067.430.898.730</b>
411	Vốn góp của chủ sở hữu	19,20	1.710.805.560.000	1.487.669.430.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.710.805.560.000	1.487.669.430.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	20	1.786.667.372.400	1.786.667.372.400
414	Vốn khác của chủ sở hữu	20	(849.228.747.207)	(849.228.747.207)
415	Cổ phiếu quỹ	20	(8.730.000)	(8.730.000)
418	Quỹ đầu tư phát triển	20	481.725.051.093	345.987.365.996
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	20	2.946.706.519.165	1.139.904.853.184
421a	- LNST chưa phân phối của các năm trước		708.513.295.066	456.379.174.908
421b	- LNST chưa phân phối của năm nay		2.238.193.224.099	683.525.678.276
429	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	20	255.335.076.059	156.439.354.357
<b>440</b>	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>		<b>8.520.393.116.371</b>	<b>5.876.149.771.888</b>


Hoàng Thúy Hà  
Người lập

Đào Thị Mai  
Kế toán trưởngĐào Hữu Duy Anh  
Tổng Giám đốc  
Người đại diện theo pháp luật  
Ngày 28 tháng 2 năm 2022

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 45 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2021 VND	2020 VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.550.582.124.429	6.236.486.134.952
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(195.888.680)	(6.745.569)
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.550.386.235.749	6.236.479.389.383
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(6.368.029.470.264)	(4.757.294.297.235)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.182.356.765.485	1.479.185.092.148
21	Doanh thu hoạt động tài chính	170.667.013.963	122.107.448.832
22	Chi phí tài chính	(68.114.072.606)	(85.051.371.186)
23	- Trong đó: chi phí lãi vay	(13.663.632.336)	(19.822.090.403)
25	Chi phí bán hàng	(503.818.242.221)	(388.042.567.303)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(136.602.168.446)	(104.602.329.448)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2.644.489.296.175	1.023.596.273.043
31	Thu nhập khác	7.310.901.345	3.611.036.605
32	Chi phí khác	(14.687.299.804)	(25.866.698.565)
40	Lỗ khác	(7.376.398.459)	(22.255.661.960)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.637.112.897.716	1.001.340.611.083
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	(123.717.903.343)	(53.269.446.339)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	381.239.227	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	2.513.776.233.600	948.071.164.744
	Phân bổ cho:		
61	Cổ đông của công ty mẹ	2.388.150.970.624	906.674.783.276
62	Cổ đông không kiểm soát	125.625.262.976	41.396.381.468
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	13.122	4.986
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	13.122	4.986

Hoàng Thúy Hà  
Người lập

Đào Thị Mai  
Kế toán trưởng

Đào Hữu Duy Anh  
Tổng Giám đốc  
Người đại diện theo pháp luật  
Ngày 28 tháng 2 năm 2022




Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 45 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.


**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2021 VND	2020 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>2.637.112.897.716</b>	<b>1.001.340.611.083</b>
Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ") và phân bổ lợi thế thương mại	278.605.693.953	267.807.756.440
04	Lỗi thuần chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	8.393.853.930	3.266.579.765
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(97.905.096.803)	(71.099.528.026)
06	Chi phí lãi vay	13.663.632.336	19.822.090.403
08	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>2.839.870.981.132</b>	<b>1.221.137.509.665</b>
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu	35.748.751.836	(185.034.084.352)
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho	(692.441.945.391)	111.111.688.946
11	Tăng các khoản phải trả	766.438.884.469	45.227.815.092
12	Tăng chi phí trả trước	(128.911.500.672)	(26.253.193.252)
14	Tiền lãi vay đã trả	(14.412.982.853)	(18.796.377.733)
15	Thuế TNDN đã nộp	(127.754.745.651)	(29.577.432.536)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(58.971.024.047)	(44.829.310.382)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>2.619.566.418.823</b>	<b>1.072.986.615.448</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	(252.689.536.618)	(243.268.894.837)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	2.357.686.365
23	Tiền chi cho vay, gửi tiết kiệm ngân hàng	(3.458.441.076.712)	(1.949.336.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, gửi tiết kiệm ngân hàng	1.417.458.824.805	1.053.171.918.656
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	52.981.921.398	36.003.353.113
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>(2.240.689.867.127)</b>	<b>(1.101.071.936.703)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu đi vay	3.109.717.781.637	3.519.018.565.958
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(3.410.431.593.538)	(3.142.459.969.711)
36	Tiền cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(236.503.705.272)	(193.865.249.600)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>(537.217.517.173)</b>	<b>182.693.346.647</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>(158.340.965.477)</b>	<b>154.608.025.392</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>3 282.319.769.553</b>	<b>127.679.693.963</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(21.042.878)	32.050.198
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>3 123.957.761.198</b>	<b>282.319.769.553</b>

Các giao dịch trọng yếu không bằng tiền mặt liên quan tới báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được trình bày tại Thuyết minh 32.

  
Hoàng Thúy Hà  
Người lập

  
Đào Thị Mai  
Kế toán trưởng

  
Đào Hữu Duy Anh  
Tổng Giám đốc  
Người đại diện theo pháp luật  
Ngày 28 tháng 2 năm 2022

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 45 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0101452588 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 5 tháng 3 năm 2004. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi gần nhất (lần thứ 20) được cấp vào ngày 24 tháng 5 năm 2021.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã giao dịch cổ phiếu là DGC.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) là sản xuất công nghiệp.

Hoạt động chính của Tập đoàn bao gồm:

- Sản xuất hoá chất cơ bản, chi tiết: sản xuất nguyên liệu và các mặt hàng hóa chất;
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ, chi tiết: sản xuất các mặt hàng phân bón;
- Buôn bán các mặt hàng cao su, sơn, chất dẻo, phân bón; buôn bán nguyên liệu và các mặt hàng hóa chất;
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; và
- Khai khoáng.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tập đoàn có ba (03) chi nhánh trực thuộc hạch toán phụ thuộc (Chi nhánh Hưng Yên, Bình Dương, và Lào Cai) và sáu (06) công ty con chi tiết như sau:

Công ty	Hoạt động chính	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	Tại ngày 31/12/2021 và 31/12/2020	
			Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
1. Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai	Sản xuất công nghiệp	Huyện Bảo Thắng, Tỉnh Lào Cai	100%	100%
2. Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang - Đình Vũ	Kinh doanh kho bãi và lưu giữ hàng hóa	Quận Hải An, Hải Phòng	100%	100%
3. Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Nghi Sơn	Sản xuất công nghiệp	Huyện Tĩnh Gia, Thanh Hoá	100%	100%
4. Công ty TNHH MTV Thể thao Hóa chất Đức Giang	Hoạt động thể thao	Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội	100%	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

## 1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (TIẾP THEO)

Công ty	Hoạt động chính	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	Tại ngày 31/12/2021 và 31/12/2020	
			Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
5. Công ty TNHH MTV Bất động sản Đức Giang (được thành lập vào ngày 1/2/2021)	Kinh doanh bất động sản	Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội	100%/(-)	100%/(-)
6. Công ty Cổ phần Phốt pho Apatit Việt Nam (là công ty con trực tiếp của Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai)	Sản xuất công nghiệp	Huyện Bảo Thắng, Tỉnh Lào Cai	51%	51%
7. Công ty TNHH MTV Apatit Đức Giang - đã giải thể (*)	Khai thác khoáng sản	Huyện Bảo Thắng, Tỉnh Lào Cai	(-)/100%	(-)/100%

(\*) Công ty TNHH MTV Apatit Đức Giang đã giải thể theo Nghị Quyết số 11/2021/NQ-HĐQT ngày 21 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng Quản trị và Thông báo số 7973/21 ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tập đoàn có 2.246 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 2.090 nhân viên).

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

## 2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất được soạn lập theo nguyên tắc giá gốc, ngoại trừ các giao dịch hợp nhất kinh doanh như được trình bày tại Thuyết minh 2.5.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**2.2 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Tập đoàn sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam (“VND” hoặc “Đồng”).

**2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất**

**Công ty con**

Công ty con là những doanh nghiệp mà Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tập đoàn có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Tập đoàn. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, khi xác định lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua giá rẻ, giá phí khoản đầu tư vào công ty con được tính là tổng của giá phí tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày công ty mẹ kiểm soát công ty con.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất.

Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Tập đoàn áp dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

**Hợp nhất kinh doanh**

Chính sách kế toán về hợp nhất kinh doanh được trình bày ở Thuyết minh 2.6.

**Hạch toán kế toán và lợi ích của cổ đông không kiểm soát**

Tập đoàn áp dụng chính sách cho các nghiệp vụ đối với cổ đông không kiểm soát giống như nghiệp vụ với các bên không thuộc Tập đoàn.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong công ty con dẫn đến việc mất quyền kiểm soát đối với công ty con, thì chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Phần sở hữu còn lại trong công ty này sẽ được hạch toán như một khoản đầu tư tài chính thông thường hoặc kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ khi công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát công ty con.

**2.6 Hợp nhất kinh doanh**

**Hợp nhất kinh doanh theo phương pháp mua**

Phương pháp kế toán mua được Tập đoàn sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông không kiểm soát. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**Hợp nhất kinh doanh liên quan đến các đơn vị chịu sự kiểm soát chung**

Các đơn vị chịu sự kiểm soát chung là các đơn vị chịu sự kiểm soát bởi cùng một bên (công ty hoặc cá nhân) hoặc nhiều bên (nhóm công ty hoặc nhóm cá nhân) kể cả trước hoặc sau khi hợp nhất kinh doanh và việc kiểm soát là lâu dài. Phương pháp hạch toán áp dụng cho hợp nhất kinh doanh liên quan đến các đơn vị chịu sự kiểm soát chung được trình bày như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****2.6 Hợp nhất kinh doanh (tiếp theo)****Hợp nhất kinh doanh liên quan đến các đơn vị chịu sự kiểm soát chung (tiếp theo)**

- Tài sản và nợ phải trả của các đơn vị được hợp nhất theo giá trị ghi sổ, không đánh giá lại giá trị hợp lý;
- Không phát sinh lợi thế thương mại từ giao dịch hợp nhất kinh doanh;
- Chênh lệch giữa giá phí đầu tư của bên mua và giá trị tài sản thuần của bên bán được trình bày riêng biệt như một khoản phụ trội hay giảm trừ trong nguồn vốn chủ sở hữu (trình bày tại chỉ tiêu “Vốn khác của chủ sở hữu” – Mã số 414);
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh tình hình tài chính và kết quả hoạt động của các đơn vị hợp nhất kể từ ngày phát sinh nghiệp vụ hợp nhất.

Sau ngày hợp nhất kinh doanh, nếu Tập đoàn chuyển nhượng và mất quyền kiểm soát khoản đầu tư vào các đơn vị này, phần chênh lệch giữa giá phí đầu tư của bên mua và giá trị tài sản thuần của bên bán đã được hạch toán trước đây vào chỉ tiêu “Vốn khác chủ sở hữu” sẽ được kết chuyển sang chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

**2.7 Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tập đoàn trong tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con được coi là một loại tài sản, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó nhưng không quá 10 năm.

Khi bán khoản đầu tư vào công ty con, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Lợi thế thương mại được ghi nhận theo giá vốn trừ khấu hao lũy kế, và được đánh giá tổn thất lợi thế thương mại định kỳ hàng năm. Nếu có bằng chứng cho thấy phần giá trị lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

Lợi thế thương mại không được ghi nhận trong nghiệp vụ hợp nhất kinh doanh liên quan đến các đơn vị chịu sự kiểm soát chung (Thuyết minh 2.6).

**2.8 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

**2.9 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**2.9 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (tiếp theo)**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên ba tháng và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Tập đoàn thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm kế toán.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không được vượt quá giá gốc ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đáo hạn.

**2.10 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên). Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thu hồi.

**2.11 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối năm kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**2.12 Tài sản cố định (“TSCĐ”)**

*TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình*

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

*Khấu hao*

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, ngoại trừ máy móc thiết bị phục vụ cho hoạt động khai thác khoáng sản được khấu hao theo phương pháp sản lượng, để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Khấu hao của TSCĐ được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, ngoại trừ TSCĐ được hình thành từ Quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 2.20(b)). Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 25 năm
Máy móc thiết bị	3 – 10 năm
Phương tiện vận tải (*)	5 – 8 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 6 năm
Phần mềm	5 năm

(\*) Phương tiện vận tải phục vụ cho hoạt động khai thác mỏ quặng Apatit tại Khai trường 25 được khấu hao theo phương pháp sản lượng khai thác, dự kiến trong vòng 6 năm.

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất do Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất, quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp, và tiền sử dụng đất đã trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước ngày hiệu lực của luật đất đai 2003 (tức là ngày 1 tháng 7 năm 2004) và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không khấu hao.

*Thanh lý*

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

*Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình lắp đặt hoặc xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****2.13 Thuê tài sản**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**2.14 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp có hệ thống dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất không được ghi nhận vào TSCĐ vô hình theo chính sách kế toán số 2.12 thì ghi nhận vào chi phí trả trước và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn thuê trả trước. Chi phí san lấp giải phóng mặt bằng liên quan đến đất thuê được phân bổ tương ứng với thời hạn thuê đất.

Phí cấp quyền khai thác khoáng sản phát sinh liên quan đến khai thác mỏ quặng Apatit tại Khai trường 25 của Công ty được phân bổ theo sản lượng khai thác. Các chi phí khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng phù hợp với thời hạn khai thác.

**2.15 Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thanh toán.

**2.16 Vay**

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng và các đối tượng khác.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất các tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất các tài sản đủ tiêu chuẩn thì Tập đoàn xác định chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đủ tiêu chuẩn đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****2.17 Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

**2.18 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm kế toán này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối năm kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

**2.19 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu trình bày khoản chênh lệch giữa giá phí đầu tư của bên mua và giá trị tài sản thuần của bên bán khi áp dụng phương pháp hợp nhất kinh doanh giữa các đơn vị chịu sự kiểm soát chung (Thuyết minh 2.6).

Cổ phiếu quỹ do Công ty mua trước ngày 1 tháng 1 năm 2021, là ngày hiệu lực của Luật Chứng khoán năm 2019, nhưng chưa bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ mua sau ngày 1 tháng 1 năm 2021 sẽ được hủy bỏ và điều chỉnh giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế TNDN của Tập đoàn tại thời điểm báo cáo.

**2.20 Phân chia lợi nhuận**

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính hợp nhất của năm kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Tập đoàn và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**2.20 Phân chia lợi nhuận (tiếp theo)**

Tập đoàn trích lập các quỹ sau:

**(a) Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ LNST TNDN của Tập đoàn và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

**(b) Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ LNST TNDN của Tập đoàn và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Tập đoàn theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn.

Bên cạnh đó, theo Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014, Quỹ cũng được dùng để mua sắm TSCĐ dùng cho các hoạt động văn hóa, phúc lợi của nhân viên. Theo đó, Tập đoàn ghi nhận TSCĐ trên báo cáo tài chính hợp nhất và trích khấu hao trong suốt thời gian hữu dụng ước tính (Thuyết minh 2.12). Tuy nhiên, khấu hao của các TSCĐ này không được ghi vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, mà được ghi giảm Quỹ.

**2.21 Ghi nhận doanh thu**

**(a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tập đoàn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng sản phẩm hoặc hàng hóa.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**2.21 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

**(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp.

Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**(c) Thu nhập lãi**

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

**2.22 Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu năm phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong năm, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của năm lập báo cáo.

**2.23 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

**2.24 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay, lỗ tỷ giá hối đoái.

**2.25 Chi phí bán hàng**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm của Tập đoàn.

**2.26 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Tập đoàn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****2.27 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại**

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm hay một năm khác.

Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong kỳ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

**2.28 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những cá nhân quản lý chủ chốt trong Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Tập đoàn căn cứ vào bản chất mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2.29 Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**2.30 Ước tính kế toán trọng yếu**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về nợ phải trả, tài sản và việc trình bày các khoản nợ phải trả và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm kế toán.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- Thời gian hữu dụng ước tính của TSCĐ (Thuyết minh 2.12);
- Thuế TNDN (Thuyết minh 29);
- Nợ tiềm tàng và các cam kết khác (Thuyết minh 35).

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

**3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	2021 VND	2020 VND
Tiền mặt tại quỹ	385.547.249	1.672.527.107
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	114.572.213.949	37.519.034.888
Các khoản tương đương tiền (*)	9.000.000.000	243.128.207.558
	<u>123.957.761.198</u>	<u>282.319.769.553</u>

(\*) Số dư cuối kỳ của khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại trong nước với kỳ hạn gốc không quá ba tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

## 4 ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	2021 VND	2020 VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	<u>3.631.679.997.108</u>	<u>1.557.534.801.277</u>

Số dư cuối kỳ bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại trong nước với kỳ hạn gốc từ 3 đến 12 tháng và lãi suất từ 3,85% đến 5,3% một năm (2020: 3,3% đến 7,1% một năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, các khoản tiền gửi có kỳ hạn 21 tỷ Đồng và 97 tỷ Đồng của các công ty con lần lượt là Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai và Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Nghi Sơn tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Sở giao dịch đã được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay của Công ty Cổ phần Phốt pho Apatit Việt Nam tại cùng ngân hàng (Thuyết minh 17) (2020: 59,7 tỷ Đồng).

## 5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	2021 VND	2020 VND
Bên thứ ba (*)	614.752.576.368	744.252.991.543
Bên liên quan (Thuyết minh 33(b))	<u>15.593.908.482</u>	<u>6.102.628.137</u>
	<u>630.346.484.850</u>	<u>750.355.619.680</u>

(\*) Chi tiết cho những khách hàng chiếm từ 10% trở lên trong tổng phải thu ngắn hạn của khách hàng như sau:

	2021 VND	2020 VND
Công ty TNHH Mitsubishi Corporation	117.348.363.424	38.635.287.898
Công ty UPL Limited	97.330.990.080	233.396.585.760
Công ty Unid Global Corporation	89.331.091.744	39.895.707.814
Tổng Công ty Phân bón Và Hóa chất Dầu Khí - CTCP	71.326.012.800	-
Công ty Agrifields DMCC	-	57.159.430.229
Công ty Italmatch Chemicals S.P.A	-	54.731.160.000
	<u>676.006.358.028</u>	<u>696.725.181.701</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, khoản phải thu ngắn hạn của Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai, một công ty con, có giá trị tối thiểu là 15.000.000 USD và tối đa 300 tỷ Đồng và khoản phải thu ngắn hạn của Công ty Cổ phần Phốt pho Apatit Việt Nam, một công ty con, có giá trị tối thiểu là 120 tỷ Đồng đã được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng (Thuyết minh 17).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

## 6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2021 VND	2020 VND
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Văn Giang - Văn Nam	42.292.168.440	16.316.284.586
Công ty China Tianchen Engineering Corporation	6.257.250.000	6.257.250.000
Tổng Công ty Đầu tư Xây dựng và Thương mại Anh Phát - Công ty CP	-	6.904.000.000
Khác	24.859.664.403	18.232.007.845
	<u>73.409.082.843</u>	<u>47.709.542.431</u>

## 7 PHẢI THU KHÁC

	2021 VND	2020 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Lãi tiền gửi ngân hàng dự thu	47.656.331.298	35.896.099.817
Khác	29.358.337.534	14.611.571.001
	<u>77.014.668.832</u>	<u>50.507.670.818</u>
<b>b) Dài hạn</b>		
Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Lào Cai (*)	3.239.083.336	-
Ký quỹ, ký cược	6.000.000.000	-
	<u>9.239.083.336</u>	<u>-</u>

(\*) Theo Quyết định 1057/QĐ-BTNMT ngày 7 tháng 5 năm 2020 do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành, tổng chi phí cải tạo, phục hồi môi trường ước tính liên quan tới việc khai thác mỏ quặng Apatit tại Khai trường 25 là 8.005.545.000 đồng. Số tiền này sẽ được ký quỹ thành 6 lần trong giai đoạn từ năm 2021 đến 2026 vào Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Lào Cai để đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ cải tạo, phục hồi môi trường của Công ty. Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là số tiền mà Công ty đã đóng vào Quỹ theo Quyết định trên (Thuyết minh 35).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

## 8 HÀNG TỒN KHO

	2021		2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	178.608.174.324	-	-	-
Nguyên vật liệu	651.012.003.924	-	327.796.300.811	-
Công cụ, dụng cụ	57.599.741	-	8.976.709.706	-
Chi phí SXKD dở dang	27.827.104.332	-	32.485.368.927	-
Thành phẩm	528.926.707.648	-	327.884.148.314	-
	<u>1.386.431.589.969</u>	<u>-</u>	<u>697.142.527.758</u>	<u>-</u>

Một phần giá trị hàng tồn kho cuối năm của Tập đoàn đã được dùng làm tài sản đảm bảo cho các hợp đồng vay ngân hàng (Thuyết minh 17).

## 9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	2021 VND	2020 VND (Trình bày lại – Thuyết minh 36)
Tiền thuê đất (*)	77.174.506.058	79.949.543.694
Chi phí giải phóng mặt bằng đất thuê (**)	125.185.027.018	129.381.495.469
Chi phí phát sinh liên quan đến khai thác mỏ quặng Apatit tại Khai trường 25 (***)	94.477.750.114	-
Công cụ, dụng cụ	32.229.009.578	9.293.987.365
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	31.276.921.306	7.262.020.660
Khác	740.192.617	2.547.487.059
	<u>361.083.406.691</u>	<u>228.434.534.247</u>

(\*) Đây là khoản tiền thuê đất trả một lần được phân bổ từ 29 năm đến 37 năm phù hợp với thời gian của hợp đồng thuê đất.

(\*\*) Đây là khoản tiền giải phóng mặt bằng trả một lần được phân bổ từ 16 đến 40 năm phù hợp với thời gian của hợp đồng thuê đất.

(\*\*\*) Chi phí phát sinh liên quan đến khai thác mỏ quặng Apatit tại Khai trường 25: chủ yếu bao gồm tiền giải phóng mặt bằng, tiền sử dụng số liệu và thông tin kết quả đánh giá khoáng sản, phí cấp quyền khai thác khoáng sản. Phí cấp quyền khai thác khoáng sản được phân bổ theo sản lượng khai thác, các chi phí khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 6 năm phù hợp với thời hạn khai thác mỏ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

Mẫu số B 09 – DN/HN

10	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
	<b>Nguyên giá</b>					
	Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	1.831.975.314.270	1.552.455.908.816	155.967.332.414	10.063.249.249	3.550.461.804.749
	Mua trong năm	-	36.553.115.856	8.587.755.272	-	45.140.871.128
	Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dờ dang (Thuyết minh 11)	87.691.866.256	56.221.572.335	36.723.245.629	-	180.636.684.220
	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	1.919.667.180.526	1.645.230.597.007	201.278.333.315	10.063.249.249	3.776.239.360.097
	<b>Giá trị khấu hao lũy kế</b>					
	Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	(613.192.822.435)	(811.765.218.051)	(92.843.511.856)	(3.424.555.558)	(1.521.226.107.900)
	Khấu hao trong năm	(114.936.720.545)	(143.981.013.501)	(21.355.407.307)	(1.029.497.501)	(281.302.638.854)
	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	(728.129.542.980)	(955.746.231.552)	(114.198.919.163)	(4.454.053.059)	(1.802.528.746.754)
	<b>Giá trị còn lại</b>					
	Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	1.218.782.491.835	740.690.690.765	63.123.820.558	6.638.693.691	2.029.235.696.849
	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	1.191.537.637.546	689.484.365.455	87.079.414.152	5.609.196.190	1.973.710.613.343

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

**10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (TIẾP THEO)****(a) Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)**

Nguyên giá TSCĐ hữu hình của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 363 tỷ Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 324 tỷ Đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, TSCĐ hữu hình của Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai, một công ty con, có nguyên giá là 239 tỷ Đồng và giá trị còn lại theo sổ sách là 158 tỷ Đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng của công ty con này (Thuyết minh số 17).

**(b) Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm VND
<b>Nguyên giá</b>	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	1.045.839.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	<u>1.045.839.000</u>
<b>Giá trị khấu hao lũy kế</b>	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	(816.896.633)
Khấu hao trong năm	(73.441.587)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	<u>(890.338.220)</u>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	228.942.367
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	<u><u>155.500.780</u></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

## 11 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Biến động về chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	180.478.058.724	52.071.618.773
Tăng	171.759.059.166	205.076.852.761
Chuyển sang TSCĐ hữu hình (Thuyết minh 10(a))	(180.636.684.220)	(76.670.412.810)
Số dư cuối năm	<u>171.600.433.670</u>	<u>180.478.058.724</u>

Chi tiết các dự án tại thời điểm cuối năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Dự án Khai thác mỏ Apatit tại Lào Cai	-	59.928.392.889
Dự án Nhà máy nhiệt điện tại Lào Cai (i)	14.214.615.434	13.787.175.419
Dự án Khu Công nghiệp Nhựa và Hóa chất (ii)	129.986.242.453	58.283.571.150
Công trình Kho Gyps - Khu D	-	22.326.740.606
Khác	27.399.575.783	26.152.178.660
	<u>171.600.433.670</u>	<u>180.478.058.724</u>

- i) Công trình Nhà máy Nhiệt điện Đức Giang – Lào Cai 2x50MW tại KCN Tăng Loỏng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai thuộc dự án ưu tiên đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp tỉnh Lào Cai theo Quyết định số 5340/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân tỉnh Lào Cai ngày 29 tháng 11 năm 2017. Tổng mức đầu tư của dự án là 2.011.290.000.000 VND (tương đương 88.720.378 USD). Hiện tại, Tập đoàn đang làm các thủ tục xin giấy phép đánh giá tác động môi trường.
- ii) Dự án Khu Công nghiệp Nhựa và Hóa chất tại KCN số 15 – Khu kinh tế Nghi Sơn, xã Tân Trường, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo Quyết định số 2152/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thanh Hóa ngày 11 tháng 6 năm 2020. Tổng mức đầu tư của dự án là 2.400.000.000.000 VND. Hiện tại, Tập đoàn đang trong quá trình giải phóng mặt bằng, khảo sát, thiết kế xây dựng nhà máy.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**12 LỢI THẾ THƯƠNG MẠI**

Lợi thế thương mại phát sinh liên quan đến việc hợp nhất kinh doanh Công ty Cổ phần Phốt pho Apatit Việt Nam vào Tập đoàn trong năm 2018. Biến động trong kỳ của lợi thế thương mại như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	4.273.891.681	4.825.361.575
Phân bổ trong năm	(551.469.892)	(551.469.894)
Số dư cuối năm	<u>3.722.421.789</u>	<u>4.273.891.681</u>

**13 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	2021 VND	2020 VND
Bên thứ ba (*)	683.380.864.031	137.023.874.475
Bên liên quan (Thuyết minh 33(b))	16.850.003	-
	<u>683.397.714.034</u>	<u>137.023.874.475</u>

(\*) Chi tiết những nhà cung cấp chiếm từ 10% trở lên trong tổng phải trả người bán ngắn hạn như sau:

	2021 VND	2020 VND
Công ty CP Phân lân nung chảy Lào Cai	253.105.773.944	-
Công ty Fargo International Trading Limited	153.957.248.590	-
Công ty CP Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	27.168.362.000	27.193.914.000
	<u>434.231.384.534</u>	<u>27.193.914.000</u>

**14 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	2021 VND	2020 VND
Công ty K.S International Fze	95.334.452.580	10.731.148.800
Công ty Nylex Specialty Chemicals Sdn.Bhd	24.880.373.505	-
Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Tây Bắc 368	24.467.800.000	-
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu An An Khác	20.950.427.326	5.540.224.234
	<u>165.633.053.411</u>	<u>17.745.651.276</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

## 15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản phải nộp Nhà nước như sau:

	Tại ngày 1.1.2021 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số thực nộp trong năm VND	Tại ngày 31.12.2021 VND
Thuế GTGT	2.569.548.722	214.579.414.167	(212.900.607.297)	4.248.355.592
Thuế xuất, nhập khẩu	6.740.154.446	192.208.268.443	(198.851.418.004)	97.004.885
Thuế TNDN	46.269.486.703	123.717.903.343	(127.754.745.651)	42.232.644.395
Thuế TNCN	3.721.559.704	22.323.840.374	(17.894.339.841)	8.151.060.237
Thuế tài nguyên, phí cấp quyền khai thác khoáng sản	-	28.467.649.000	(28.467.649.000)	-
Các loại thuế khác	-	18.324.028.480	(18.030.296.320)	293.732.160
	<u>59.300.749.575</u>	<u>599.621.103.807</u>	<u>(603.899.056.113)</u>	<u>55.022.797.269</u>

## 16 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	2021 VND	2020 VND
Cổ tức phải trả	195.578.839.001	236.945.922.745
Ký quỹ, ký cược	4.784.951.400	4.697.325.839
Khác	3.742.794.979	1.587.489.797
	<u>204.106.585.380</u>	<u>243.230.738.381</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

Mẫu số B 09 – DN/HN

**17 VAY NGẮN HẠN**

	Tại ngày 1.1.2021 VND	Giải ngân VND	Trả gốc VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Tại ngày 31.12.2021 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Sở giao dịch (i)	369.068.724.719	1.062.409.438.413	(1.138.473.146.152)	(3.840.313.714)	289.164.703.266
Ngân hàng HSBC - Chi nhánh Hà Nội (ii)	493.269.885.136	1.463.693.767.924	(1.501.431.002.269)	(1.070.486.278)	454.462.164.513
Ngân hàng Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Phạm Hùng (iii)	100.708.915.533	183.295.739.781	(239.835.409.999)	(189.065.530)	43.980.179.785
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai (iv)	185.926.467.083	226.067.319.580	(356.533.535.362)	(1.158.086.566)	54.302.164.735
Ngân hàng BIDV – Chi nhánh Hà Thành	-	174.251.515.939	(174.158.499.756)	(93.016.183)	-
	<u>1.148.973.992.471</u>	<u>3.109.717.781.637</u>	<u>(3.410.431.593.538)</u>	<u>(6.350.968.271)</u>	<u>841.909.212.299</u>

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn có số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

TT	Bên cho vay	Hạn mức và thời hạn tín dụng	Số dư cuối năm VND	Lãi suất	Mục đích vay	Tài sản thế chấp
i	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Sở giao dịch	Hạn mức tín dụng là 1.300 tỷ Đồng hoặc ngoại tệ tương đương, trong đó: - Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai: 1.100 tỷ Đồng hoặc ngoại tệ tương đương; - Công ty Cổ phần Phốt pho Apatit Việt Nam: 200 tỷ Đồng hoặc ngoại tệ tương đương. Thời hạn cho vay đối với mỗi khoản vay không quá 6 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay được giải ngân trong năm bằng USD.	289.164.703.266	1,2% - 2,6%/năm	Bổ sung vốn lưu động	- Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai: • Hàng tồn kho trị giá tối thiểu 200 tỷ Đồng; • Các khoản phải thu với giá trị tối đa 300 tỷ Đồng (Thuyết minh 5); • Khoản tiền gửi có kỳ hạn trị giá 21 tỷ Đồng (Thuyết minh 4). - Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Nghi Sơn: Khoản tiền gửi có kỳ hạn trị giá 97 tỷ Đồng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

Mẫu số B 09 – DN/HN

**17 VAY NGẮN HẠN (TIẾP THEO)**

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn có số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau (tiếp theo):

TT	Bên cho vay	Hạn mức và thời hạn tín dụng	Số dư cuối năm VND	Lãi suất	Mục đích vay	Tài sản thế chấp
ii	Ngân hàng HSBC - Chi nhánh Hà Nội	Hạn mức tín dụng là 26 triệu Đô la Mỹ, trong đó: - Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai: 15,8 triệu Đô la Mỹ; - Công ty Cổ phần Phốt pho Apatit Việt Nam: 10,2 triệu Đô la Mỹ. Thời hạn vay không quá 120 ngày kể từ ngày giải ngân.	454.462.164.513	1,2% - 1,4%/năm	Bổ sung vốn lưu động	- Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai; • Khoản phải thu với trị giá tối thiểu 15 triệu USD (Thuyết minh 5); • Hàng tồn kho với trị giá 10 triệu USD (Thuyết minh 8). - Công ty Cổ phần Phốt pho Apatit Việt Nam: • Khoản phải thu với trị giá tối thiểu là 120 tỷ VND (Thuyết minh 5); • Hàng tồn kho với trị giá tối thiểu là 120 tỷ VND (Thuyết minh 8). Không
iii	Ngân hàng Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Phạm Hùng	Hạn mức cho vay đối với Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai là 5 triệu Đô la Mỹ. Thời hạn cho vay không quá 4 tháng kể từ ngày giải ngân.	43.980.179.785	1,15%/năm	Bổ sung vốn lưu động	Không
iv	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai	Hạn mức cho vay là 280 tỷ Đồng hoặc Đô la Mỹ tương đương. - Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào cai: 200 tỷ Đồng hoặc Đô la Mỹ tương đương; - Công ty Cổ phần Phốt pho Apatit Việt Nam: 80 tỷ Đồng hoặc Đô la Mỹ tương đương. Thời hạn cho vay không quá 4 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay được giải ngân trong năm bằng USD	54.302.164.735	1,2%/năm	Bổ sung vốn lưu động	- Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào cai: • Hàng tồn kho trị giá 70 tỷ Đồng (Thuyết minh 8); • Quyền tài sản trị giá 100 tỷ Đồng; • TSCĐ trị giá 239 tỷ VND (Thuyết minh 10(a)). - Công ty Cổ phần Phốt pho Apatit Việt Nam: Hàng tồn kho với trị giá tối thiểu 55 tỷ Đồng (Thuyết minh 8).

**Tổng cộng 841.909.212.299**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

## 18 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	77.844.982.878	93.876.539.676
Tăng trong năm (Thuyết minh 20)	53.626.191.819	32.119.609.964
Sử dụng quỹ trong năm	(58.971.024.047)	(44.829.310.382)
Khấu hao TSCĐ hình thành từ Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(3.321.856.380)	(3.321.856.380)
Số dư cuối năm	<u>69.178.294.270</u>	<u>77.844.982.878</u>

## 19 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

## (a) Số lượng cổ phiếu

	2021 Cổ phiếu phổ thông	2020 Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đăng ký	171.080.556	148.766.943
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	171.080.556	148.766.943
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(873)	(873)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	<u>171.079.683</u>	<u>148.766.070</u>

## (b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31.12.2021		31.12.2020	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Ông Đào Hữu Huyền	31.662.343	18,507	26.532.473	17,835
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	6.039.090	3,530	13.168.774	8,852
Bà Ngô Thị Ngọc Lan	11.615.239	6,789	10.100.208	6,789
Ông Đào Hữu Kha	10.436.474	6,100	9.075.195	6,100
Cổ đông khác	111.326.537	65,073	89.889.420	60,423
Cổ phiếu quỹ	873	0,001	873	0,001
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	<u>171.080.556</u>	<u>100</u>	<u>148.766.943</u>	<u>100</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

Mẫu số B 09 – DN/HN

**19 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)**

**(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần**

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND	Cổ phiếu quỹ VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	129.363.616	1.293.636.160.000	(8.730.000)	1.293.627.430.000
Tăng do trả cổ tức bằng cổ phiếu	19.403.327	194.033.270.000	-	194.033.270.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	148.766.943	1.487.669.430.000	(8.730.000)	1.487.660.700.000
Tăng do trả cổ tức bằng cổ phiếu	22.313.613	223.136.130.000	-	223.136.130.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	171.080.556	1.710.805.560.000	(8.730.000)	1.710.796.830.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG**

Mẫu số B 09 – DN/HN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

**20 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu (*) VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng cộng VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng vốn chủ sở hữu VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 – số đã báo cáo	1.293.636.160.000	1.786.667.372.400	(1.113.960.026.039)	(8.730.000)	521.976.561.127	835.698.412.937	3.324.009.750.425	127.549.648.025	3.451.559.398.450
Điều chỉnh lại (Thuyết minh 36)	-	-	264.731.278.832	-	(264.731.278.832)	-	-	-	-
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 – số điều chỉnh lại	1.293.636.160.000	1.786.667.372.400	(849.228.747.207)	(8.730.000)	257.245.282.295	835.698.412.937	3.324.009.750.425	127.549.648.025	3.451.559.398.450
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	906.674.783.276	906.674.783.276	41.396.381.468	948.071.164.744
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	88.742.083.701	(88.742.083.701)	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(31.862.512.828)	(31.862.512.828)	(257.097.136)	(32.119.609.964)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	194.033.270.000	-	-	-	-	(194.033.270.000)	-	-	-
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	(287.830.476.500)	(287.830.476.500)	(12.249.578.000)	(300.080.054.500)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 - số điều chỉnh lại	1.487.669.430.000	1.786.667.372.400	(849.228.747.207)	(8.730.000)	345.987.365.996	1.139.904.853.184	3.910.991.544.373	156.439.354.357	4.067.430.898.730
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	2.388.150.970.624	2.388.150.970.624	125.625.262.976	2.513.776.233.600
Trích quỹ đầu tư phát triển (**)	-	-	-	-	135.737.685.097	(135.737.685.097)	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (**)	-	-	-	-	-	(51.395.806.546)	(51.395.806.546)	(2.230.385.273)	(53.626.191.819)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (**)	223.136.130.000	-	-	-	-	(223.136.130.000)	-	-	-
Chia cổ tức bằng tiền (***)	-	-	-	-	-	(171.079.683.000)	(171.079.683.000)	(24.499.156.001)	(195.578.839.001)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	1.710.805.560.000	1.786.667.372.400	(849.228.747.207)	(8.730.000)	481.725.051.093	2.946.706.519.165	6.076.667.025.451	255.335.076.059	6.332.002.101.510

(\*) Vốn khác của chủ sở hữu thể hiện phần phụ trội do hợp nhất kinh doanh giữa các đơn vị chịu sự kiểm soát chung, được xác định là phần chênh lệch giữa giá phí đầu tư của Công ty và giá trị tài sản thuần của Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai tại thời điểm hợp nhất trong năm 2018 (Thuyết minh 2.6 và 2.19).

(\*\*) Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ của Công ty Cổ phần Hóa chất Đức Giang đề ngày 29 tháng 3 năm 2021 và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ của Công ty Cổ phần Phốt pho Apatit Việt Nam đề ngày 25 tháng 3 năm 2021 thông qua phương án phân chia lợi nhuận năm 2020. Theo đó, Tập đoàn đã thực hiện trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 53.626.191.819 đồng và quỹ đầu tư phát triển 135.737.685.097 đồng. Đại hội đồng Cổ đông cũng thông qua phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2020. Theo Thông báo số 1098/TB-SGDHCM ngày 02 tháng 6 năm 2021, số lượng cổ phiếu đã phát hành là 22.313.613 cổ phiếu.

(\*\*\*) Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 15/2021/NQ-HĐQT đề ngày 14 tháng 12 năm 2021 thông qua việc trả tạm ứng cổ tức năm 2021 cho cổ đông hiện hữu. Theo đó, Công ty thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 10% trên một cổ phần.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**
**21 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU****a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, điều chỉnh cho cổ phiếu thưởng phát hành trong năm trừ đi cổ phiếu quỹ. Chi tiết như sau:

	2021	2020 (**)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông (VND)	2.388.150.970.624	906.674.783.276
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(143.289.058.237)	(53.626.191.820)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.244.861.912.387	853.048.591.456
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	171.079.683	171.079.683
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	13.122	4.986

(\*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi được tạm tính theo tỷ lệ trích của năm trước, được tính bằng 6% trên LNST.

(\*\*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được tính lại cho việc trả cổ tức bằng cổ phiếu như sau:

	Từ 1.1.2020 đến 31.12.2020		
	Số liệu báo cáo trước đây	Điều chỉnh	Số liệu trình bày lại
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông (VND)	906.674.783.276	-	906.674.783.276
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(53.763.860.760)	137.668.940	(53.626.191.820)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	852.910.922.516	137.668.940	853.048.591.456
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	148.766.070	22.313.613	171.079.683
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	5.733		4.986

**b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu của Tập đoàn bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu do Tập đoàn không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng có tác động suy giảm trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**
**22 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**
**Ngoại tệ các loại**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ là 3.854.045 Đô la Mỹ và 607 Euro (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 920.847,87 Đô la Mỹ và 617,5 Euro).

**23 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	2021 VND	2020 VND
<b>Doanh thu</b>		
Doanh thu bán thành phẩm	9.515.042.824.696	6.199.599.389.265
Doanh thu bán hàng hóa	22.333.624.168	23.968.088.957
Doanh thu cung cấp dịch vụ	13.205.675.565	12.918.656.730
	<u>9.550.582.124.429</u>	<u>6.236.486.134.952</u>
<b>Các khoản giảm trừ</b>		
Hàng bán trả lại	(195.888.680)	(6.745.569)
	<u>(195.888.680)</u>	<u>(6.745.569)</u>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu bán thành phẩm	9.514.846.936.016	6.199.592.643.696
Doanh thu bán hàng hóa	22.333.624.168	23.968.088.957
Doanh thu cung cấp dịch vụ	13.205.675.565	12.918.656.730
	<u>9.550.386.235.749</u>	<u>6.236.479.389.383</u>

**24 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	2021 VND	2020 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	6.347.003.881.146	4.742.062.241.839
Giá vốn của hàng hóa đã bán	21.025.589.118	15.232.055.396
	<u>6.368.029.470.264</u>	<u>4.757.294.297.235</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

## 25 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2021 VND	2020 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	97.971.202.222	78.453.237.897
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	72.695.811.741	43.652.890.658
Lãi do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	-	1.320.277
	<u>170.667.013.963</u>	<u>122.107.448.832</u>

## 26 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2021 VND	2020 VND
Chi phí lãi vay	13.663.632.336	19.822.090.403
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	46.056.586.340	61.961.380.741
Lỗ do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	8.393.853.930	3.267.900.042
	<u>68.114.072.606</u>	<u>85.051.371.186</u>

## 27 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2021 VND	2020 VND
Chi phí vận chuyển	374.977.814.964	268.185.240.852
Chi phí dịch vụ mua ngoài	91.623.535.293	90.936.093.503
Chi phí nhân viên	18.285.817.853	17.444.533.354
Chi phí vật liệu, bao bì	6.858.454.419	3.936.976.066
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.589.733.031	1.685.276.872
Khác	10.482.886.661	5.854.446.656
	<u>503.818.242.221</u>	<u>388.042.567.303</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

## 28 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nhân viên	82.148.570.636	64.857.216.352
Chi phí khấu hao TSCĐ	13.983.853.259	15.358.117.330
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.237.450.140	12.115.205.159
Khác	22.232.294.411	12.271.790.607
	<u>136.602.168.446</u>	<u>104.602.329.448</u>

## 29 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% được thể hiện như sau:

	2021 VND	2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	2.637.112.897.716	1.001.340.611.083
Thuế tính ở thuế suất 20%	527.422.579.543	200.268.122.217
Điều chỉnh:		
- Thuế TNDN được miễn, giảm (*)	(408.252.480.211)	(150.622.109.737)
- Chi phí không được khấu trừ	4.166.564.784	3.623.433.859
Chi phí thuế TNDN (**)	<u>123.336.664.116</u>	<u>53.269.446.339</u>
Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:		
Thuế TNDN - hiện hành	123.717.903.343	53.269.446.339
Thuế TNDN - hoãn lại	(381.239.227)	-
Chi phí thuế TNDN	<u>123.336.664.116</u>	<u>53.269.446.339</u>

(\*) Tập đoàn được hưởng ưu đãi về miễn, giảm thuế TNDN từ các dự án đầu tư của các công ty con trong Tập đoàn, bao gồm:

- Công ty TNHH Một thành viên Hóa chất Đức Giang Lào Cai:
  - Dự án Lò sản xuất phốt pho số 1 và số 2: được miễn thuế trong 4 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án (từ năm 2010 đến năm 2013) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (kể từ năm 2014 đến năm 2022);
  - Dự án Nhà máy Sản xuất Super lân giàu, Nhà máy Sản xuất Dicalcium Phosphate (DCP) và Nhà máy sản xuất Mono Amoni Phốt phát (MAP): thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động (từ năm 2014 đến năm 2028), được miễn thuế 4 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án (từ năm 2015 đến năm 2018) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2019 đến năm 2027);



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

29 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

- Công ty TNHH Một thành viên Hóa chất Đức Giang Lào Cai (tiếp theo):
  - Dự án Nhà máy Sản xuất axit photphoric trích ly và phân lân giàu (TSP): thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động (từ năm 2014 đến năm 2028), được miễn thuế trong 4 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án (từ năm 2014 đến năm 2017) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2018 đến năm 2026);
  - Dự án Nhà máy Sản xuất axit photphoric thực phẩm và các muối photphat: thuế suất là 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động (từ năm 2016 đến năm 2030), được miễn thuế trong 4 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án (từ năm 2016 đến năm 2019) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2020 đến năm 2028);
  - Dự án Dây chuyền sản xuất Silicate và các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất ưu đãi 10% trong 15 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án đầu tiên (từ năm 2009 đến năm 2023).
- Công ty Cổ phần Phốt pho Apatit Việt Nam:
  - Dự án sản xuất phốt pho vàng: thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi dự án sản xuất phốt pho vàng đi vào hoạt động (từ năm 2018 đến năm 2032), được miễn thuế trong 4 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án (từ năm 2018 đến năm 2021) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (kể từ năm 2022 đến năm 2030).
- Công ty TNHH MTV Hóa Chất Đức Giang - Đình Vũ
  - Dự án kho chứa hóa chất: thuế suất 10% trong vòng 15 năm kể từ năm phát sinh doanh thu từ hoạt động ưu đãi thuế (từ năm 2013 đến năm 2027). Thu nhập từ dự án trên được miễn thuế 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế từ dự án (từ năm 2015 đến năm 2018) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2019 đến năm 2028).

(\*\*) Chi phí thuế TNDN trong năm được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

**30 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn, không bao gồm giá mua hàng hóa phát sinh trong hoạt động thương mại. Chi tiết được trình bày như sau:

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.368.416.030.462	2.838.461.047.714
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.868.617.889.025	1.615.794.885.118
Chi phí nhân viên	616.440.169.310	421.884.476.166
Chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ lợi thế thương mại	278.605.693.953	267.807.756.440
Khác	78.848.543.179	203.966.038.159
	<u>7.210.928.325.929</u>	<u>5.347.914.203.597</u>

**31 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Ban Tổng Giám đốc của Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Tập đoàn chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Tập đoàn cung cấp. Do đó, báo cáo bộ phận chính yếu của Tập đoàn là theo lĩnh vực kinh doanh.

**Báo cáo bộ phận chính yếu (theo lĩnh vực kinh doanh)**

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, doanh thu từ bán thành phẩm (chủ yếu gồm Phốt pho vàng và Axit các loại) chiếm 99,7% tổng doanh thu của Tập đoàn (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020: 99,2%). Theo đó, Tập đoàn không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

## 31 BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)

## Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý)

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021		
	Trong nước VND	Nước ngoài VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần	2.660.314.657.954	6.890.071.577.795	9.550.386.235.749
Tài sản bộ phận tại ngày 31/12/2021 (không phân bổ)	-	-	8.520.393.116.371
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ (không phân bổ)	-	-	216.899.930.294

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020		
	Trong nước VND	Nước ngoài VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần	1.339.355.441.644	4.897.123.947.739	6.236.479.389.383
Tài sản bộ phận tại ngày 31/12/2020 (không phân bổ)	-	-	5.876.149.771.888
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ (không phân bổ)	-	-	242.887.076.655

## 32 THUYẾT MINH CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (“BCLCTT”)

Trong kỳ, Tập đoàn phát sinh các giao dịch trọng yếu không bằng tiền như sau:

	2021 VND	2020 VND
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	223.136.130.000	-
Mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn nhưng chưa thanh toán	6.724.031.200	42.513.637.524
Lãi tiền gửi nhập gốc	33.162.943.924	10.436.274.790

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

## 33 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan có giao dịch với Tập đoàn trong kỳ như sau:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Cổ đông/Đại diện trong HĐQT
Các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các cá nhân có liên quan của các thành viên này	Thành viên quản lý chủ chốt/Cổ đông
Công ty TNHH Văn Minh	Chung sự kiểm soát của Chủ tịch HĐQT

## (a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, các giao dịch chủ yếu sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	2021 VND	2020 VND
<b>i) Mua hàng hóa dịch vụ</b> Công ty TNHH Văn Minh	102.109.733.659	78.471.611.855
<b>ii) Bán hàng hóa dịch vụ</b> Công ty TNHH Văn Minh	192.234.035.054	138.121.512.623
<b>iii) Thu nhập của các thành viên trong HĐQT và Ban Tổng Giám đốc</b>		
Ông Đào Hữu Huyền	256.607.500	279.297.118
Ông Đào Hữu Duy Anh	2.958.976.683	2.046.211.942
Ông Phạm Văn Hùng	2.542.311.314	1.744.310.435
Ông Nguyễn Văn Quang	84.000.000	84.000.000
Ông Vũ Nhất Tâm	-	35.000.000
Ông Khúc Ngọc Giảng	84.000.000	49.000.000
	<u>5.925.895.497</u>	<u>4.237.819.495</u>

## (b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	2021 VND	2020 VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b> <b>(Thuyết minh 5)</b> Công ty TNHH Văn Minh	15.593.908.482	6.102.628.137
<b>Phải trả trả người bán ngắn hạn</b> <b>(Thuyết minh 13)</b> Công ty TNHH Văn Minh	16.850.003	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

## 33 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

## (b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	2021 VND	2020 VND
<i>Các khoản phải trả ngắn hạn khác</i>		
Cổ tức phải trả HĐQT, Ban kiểm soát	37.243.301.952	47.307.376.500

## 34 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG VÀ CAM KẾT VỐN

## (a) Cam kết thuê hoạt động

Tập đoàn phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

	Tiền thuê đất	
	2021 VND	2020 VND
Dưới 1 năm	2.231.372.551	2.231.372.551
Từ 1 đến 5 năm	23.572.149.967	15.318.812.822
Trên 5 năm	466.378.676.601	476.863.386.297
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	492.182.199.119	494.413.571.670

## (b) Cam kết vốn

Các cam kết về chi tiêu tạo lập TSCĐ đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

	2021 VND	2020 VND
Nhà xưởng, máy móc và thiết bị, phương tiện vận tải	362.327.319.000	179.859.103.669

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

**35 NỢ TIỀM TÀNG VÀ CÁC CAM KẾT KHÁC**

**Nghĩa vụ cải tạo, phục hồi môi trường - mỏ quặng Apatit tại Khai trường 25**

Công ty tiến hành khai thác mỏ quặng Apatit tại Khai trường 25 trong vòng 6 năm và có nghĩa vụ cải tạo, phục hồi môi trường cho mỏ quặng này sau khi khai thác xong. Theo Quyết định 1057/QĐ-BTNMT ngày 7 tháng 5 năm 2020 do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành, tổng chi phí cải tạo, phục hồi môi trường ước tính liên quan tới việc khai thác mỏ quặng Apatit tại Khai trường 25 là 8.005.545.000 đồng. Số tiền này sẽ được ký quỹ thành 6 lần trong giai đoạn từ năm 2021 đến 2026 vào Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Lào Cai để đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ cải tạo, phục hồi môi trường của Công ty (Thuyết minh 7(b)).

**Chi phí hoàn nguyên các khu đất thuê**

Tập đoàn ký các hợp đồng thuê đất và đã thực hiện việc xây dựng công trình và hạ tầng trên các lô đất thuê này. Hầu hết các hợp đồng thuê đất này không có quy định về nghĩa vụ cần hoàn nguyên khu đất thuê, do đó đối với các hợp đồng này, Tập đoàn đánh giá là Tập đoàn có thể có các nghĩa vụ trong tương lai liên quan đến việc tháo dỡ, di dời các tài sản của Tập đoàn ra khỏi khu đất và phục hồi khu đất về tình trạng ban đầu tại cuối thời hạn thuê đất, và nghĩa vụ này chỉ có thể xác định được rõ ràng khi có thêm các sự kiện trong tương lai, ví dụ như các trao đổi bổ sung với bên cho thuê đất hay khi cơ quan chức năng ban thành bổ sung các văn bản pháp luật làm rõ nghĩa vụ của bên đi thuê khi hợp đồng thuê đất không có điều khoản hoàn nguyên. Do Tập đoàn chưa đánh giá được khả năng về giảm sút lợi ích kinh tế từ nghĩa vụ tiềm tàng này, Tập đoàn không ghi nhận khoản dự phòng chi phí hoàn nguyên vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

**36 TRÌNH BÀY LẠI SỐ LIỆU SO SÁNH**

Tập đoàn đã thực hiện trình bày lại một số khoản mục trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, chi tiết như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (trích dẫn):

Mã số		Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020		
		Đã báo cáo VND	Điều chỉnh VND	Trình bày lại VND
227	Tài sản cố định vô hình (i)	107.162.549.471	(106.933.607.104)	228.942.367
228	Nguyên giá	128.545.311.819	(127.499.472.819)	1.045.839.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế	(21.382.762.348)	20.565.865.715	(816.896.633)
261	Chi phí trả trước dài hạn (i)	121.500.927.143	106.933.607.104	228.434.534.247
414	Vốn khác của chủ sở hữu (ii)	(1.113.960.026.039)	264.731.278.832	(849.228.747.207)
418	Quỹ đầu tư phát triển (ii)	610.718.644.828	(264.731.278.832)	345.987.365.996

- (i) Phân loại lại chi phí giải phóng mặt bằng đối với đất thuê từ TSCĐ vô hình sang Chi phí trả trước dài hạn.
- (ii) Điều chỉnh giảm Quỹ đầu tư phát triển và tăng Vốn khác của chủ sở hữu liên quan đến việc tính toán và trình bày lại khoản phụ trội trong giao dịch hợp nhất kinh doanh mà Công ty mua thêm cổ phần của Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai trong năm 2018 theo chính sách kế toán 2.6 – Hợp nhất kinh doanh liên quan đến các đơn vị chịu sự kiểm soát chung.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Ban Tổng Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 28 tháng 2 năm 2022.

Hoàng Thúy Hà  
Người lập

Đào Thị Mai  
Kế toán trưởng



Đào Hữu Duy Anh  
Tổng Giám đốc  
Người đại diện theo pháp luật